

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO QUYỂN 60

- Số từ câu: “Phần thứ hai là Quán rộng về sự đối trị chướng” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

Một: Biện minh tổng quát về ý nối tiếp. Gồm hai chi tiết:

- Một là: Nêu rõ về Quán. Luận viết: “Lại quan sát về đối trị chướng về nẻo nghiệp bất thiện và Quả, nẻo nghiệp thiện và Quả, càng trở lên càng thanh tịnh.

- Hai là: Từ câu: “Khởi tâm tăng thượng cầu học” tiếp xuống: Là nêu lên nẻo hành nơi Tâm. Toàn là văn của Luận.

- Số từ câu: “Nếu dựa thẳng theo văn của kinh” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích văn. Trước hết là thuận theo kinh, tức biện minh về Quán, dùng Tâm thấu Nhiếp thiện là hành. Nay Luận đã cho là thuộc chung về phần thiện của Phật, tức phần thiện của Phật chung nơi Quán Hành. Tức bốn thiện ở trước chỉ nêu rõ về Quán, do ba thiện trước Bồ tát chẳng hành. Về chỗ thiện của Bồ tát thì trước đã Hành.

- Số câu: “Lại phân làm hai, trước là quán về nẻo bất thiện”: Trong đó tổng cộng có bốn môn:

Một: Phân biệt về chỗ đối trị chướng. Nẻo bất thiện là đối tượng được đối trị.

Hai: Phân biệt về phạm Thánh, Trời, người là phạm, ba Thừa là Thánh.

Ba: Phân biệt về Đại, Tiểu. Hai Thừa là Tiểu.

Bốn: Phân biệt về Nhân, Quả. Bồ tát là nhân, Phật là quả. Ở trong bốn lớp đã phân biệt, nhận định. Nếu là năm lớp thì mười nẻo thiện, bất thiện chỉ thuộc về đối tượng được đối trị, do đó đã nêu riêng làm một đoạn.

- Số câu: “Do thuận hợp với Lý, ích lợi đối với mọi vật, chính là trái với ác”: Là nêu rõ Thiện là chủ thể đối trị. Kinh Anh Lạc viết: “Thuận theo Lý, sinh Tâm, gọi là Thiện. Trái lại là Ác. Lại nữa, lợi vất

là Thiện, hại vật là Ác. Cho nên viết: “Chính là trái với Ác.

- Số câu: “Hoặc do Tâm của ba Thời”: Lược nêu lên bốn lớp:

Một: Căn cứ nơi Thời. Như thời gian sắp muốn hành thiện, thời gian đang thực hành thiện. Thời gian thực hành thiện xong. Ba thời giản trên đều coi trọng là Thiện bậc thượng thiện. Tùy thuộc thời gian một và hai mà xem nhẹ là bậc trung thiện. Ba thời đều xem nhẹ là bậc hạ.

Hai: Căn cứ nơi Cảnh. Như một là chẳng sát sinh. Chẳng sát sinh loài ruồi muỗi v.v... là thượng thiện. Chẳng giết loài súc sinh là bậc trung thiện. Chẳng sát sinh mạng người là bậc hạ thiện. Nếu sát hai tức ngược lại trên. (Thượng ác v.v...)

Ba: Căn cứ nơi tính chất nặng nhẹ nơi Tâm: Tùy nơi một cảnh, như giết một con vật: Với Tâm hung dữ nhất quyết, với Tâm bình thường, với Tâm chẳng đem lại cho mình gì cả mà vẫn giết, là ba bậc thượng, trung, hạ về Ác. Ba lớp chẳng sát sinh tức là ba bậc thượng trung hạ về Thiện.

Bốn: Căn cứ nơi chỗ tự làm, chỉ dạy kẻ khác làm: Gồm đủ cả tự tha là bậc thượng. Chỉ có tự, chẳng phải Tha là trung. Tự tuy chẳng làm mà chỉ dạy cho Tha làm là bậc hạ.

- Số câu: “Xét kỹ về nghĩa ấy của Luận thì thành nhiều phẩm chẳng đồng”: Tức đem bốn sự việc trên cùng đối chiếu về mối tương quan, tức thành nhiều phẩm. Như căn cứ nơi cảnh của sát sinh. Cảnh là một lớp. Lại do Tâm xem trọng tức là hai lớp. Lại nữa, ba thời cùng coi trọng tức là ba lớp. Thêm nữa, chỉ dẫn cho người khác giết tức là bốn lớp. Phần còn lại theo đấy có thể nhận biết. Nói “Là bất thiện, tức ngược lại với điều thiện, có thể nhận biết”: Ở đây có hai ý:

Một: Theo tướng chung thì trước chỉ căn cứ nơi “chẳng sát sinh”. Nay thì căn cứ nơi “Sát sinh”.

Hai: Như một cảnh nơi sát sinh, thì trước giờ chẳng sát hại loài ruồi muỗi là bậc thượng thiện v.v... Nay thì sát hại các loài ấy là bậc hạ ác. Sát hại loài súc sinh là bậc trung ác. Sát hại người là bậc thượng ác. Chỗ dẫn Luận Du Già quyển thứ sáu mươi để giải thích về bất thiện đến phần sau sẽ biện minh.

- Số câu: “Thứ nhất là nêu chỗ tu Thiện giống nhau”: Mười thiện của bốn phần sau thì chỉ một Thiện của Phật, là độc nhất nên gọi riêng là “Thượng Thượng”. Ba phần trước chỉ nói: “Lại đây là mười Thiện phẩm Thượng.

- Nói: “Thiện của ba Thừa là đồng”: Nếu dựa theo chỗ Luận giải thích kinh thì Bồ tát cũng gọi là “Thượng của Thượng”. Nhưng gọi

là “Thượng” tức là Thượng của ba phẩm trong mười Thiện nơi hàng Trời, Người nêu trước. Trời Ngũ Tịnh Cư là thiện của cõi Sắc, là phẩm thượng, nên bậc Thánh đã dựa vào đấy để tu tập, do vậy đã căn cứ theo chỗ thiện bậc thượng để bàn về sự sai biệt.

- Sớ câu: “Tiếp theo là hiển bày chỗ dụng công khác nhau”: Câu này tức mượn sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử, Thiên Tiêu dao, phần một. Sách ấy viết: “Tuệ Tử gọi Trang Tử nói: Ngụy Vương đã tặng tôi một giống dưa to. Tôi trồng nó, có trái nặng đến năm thạch. Dùng nó đựng nước, nó nặng, không cất nhắc lên được Bỏ nó ra làm cái Bàu thì lại không còn dùng được vào chỗ nào. Đâu phải là nó không to lớn, nhưng vì cho nó là vô dụng nên tôi đã đập bỏ. Trang tử nói: Thế là phu tử đã vụng về ở chỗ đại dụng rồi đấy. Nước Tống có người khéo chế được môn thuốc rạn nứt da tay, đời đời chuyên làm nghề ươm tơ. Có người hay biết, đến xin mua phương thuốc ấy với giá trăm lượng bạc. Anh ta bèn nhóm cả thân tộc bàn rằng: Nhà ta đời đời làm nghề ươm tơ, lợi không hơn số bạc này. Nay, chỉ một sớm mà lợi được số tiền như thế, xin để cho bán. Người khách mua được phương thuốc, đem đến thuyết phục vua Ngô. Nước Việt có nạn, vua Ngô sai anh làm tướng. Nhắm vào mùa đông thủy chiến với người Việt, người Việt đại bại. Vua Ngô liền cắt đất phong thưởng cho anh ta. Cùng thời làm một môn thuốc trị rạn nứt da tay mà một người được phong, một người không ra khỏi cái nghề ươm tơ: Đó là tại chỗ biết dùng mà khác nhau...”. Nay mượn lời ấy. Một loại nơi mười Thiện cũng như phương thuốc trị rạn nứt da tay. Hàng phàm phu xử dụng thì chỉ ở trong nẻo sinh tử. Hàng Nhị Thừa thì liền có thể tự mình ra khỏi sinh tử, tức cũng như đập giặt tơ sợi. Bỏ tất sử dụng thì gồm luôn việc cứu độ muôn loài không bờ bến, hạn lượng, tức như được cắt đất để phong thưởng.

- Sớ câu: “ Trong đó, câu đầu đối chiếu với trước để làm rõ chỗ hơn”: Ba Thừa đều có sự phân biệt hơn kém. Nhưng trước kém cũng gọi là “Cảnh giới của đối tượng được quán”. Sau hơn, tức là Hành của chủ thể Quán.

- Nói “dùng trí thật tướng tu tập”: Tức như kinh nêu: “Dùng trí tuệ tu tập”. Luận giải thích kinh viết: “Cùng với quán, trí tuệ hòa hợp mà tu hành”. Luận nêu: “ Quán Trí Tuệ là quán của quán thật tướng”.

Giải thích: Gọi là thật tướng tức là Lý của bốn đế, cùng soi chiếu về nẻo thật của Sự, Lý. Nghĩa của bốn đế, phần sau sẽ tóm kết, chỉ rõ. Ở đây tức dùng Trí Tuệ thích hợp với Tâm để tu tập mười Thiện.

- Sớ câu: “Một là sự tích tập của Nhân”: Tức xưa tích tập nhân

nhỏ nên nay thành Hành nhỏ. Dựa vào đây để tích tập về đạo nên gọi là tập.

Hai là sợ khổ. Tức chán lìa đối với cái khổ hiện có.

Ba là Tâm xả bỏ. Tức chỉ cầu tự độ. “Hai phần tiếp sau gồm luôn bậc Duyên giác yếu kém”: Tức:

Bốn là chẳng đạt tới chỗ tự giác ngộ.

Năm là chẳng đạt tới chỗ quán về duyên. Kinh kia viết: “Nghe âm thanh”. Luận viết là: “Quán tức niệm về âm thanh. Thế nào là âm thanh? Ngã, Nhân, Chúng sinh v.v... chỉ có tên gọi”.

Giải thích: Ở đây, Luận ý nói về hàng Thanh văn, nghĩa là chúng sinh, ngã, nhân chỉ có tên gọi, nên gọi là niệm về âm thanh. Nghĩa nêu bày được nghe qua âm thanh, chẳng phải chính yếu là tai nghe, nên nêu đủ cả hai nghĩa. Luận Du Già quyển thứ tám mươi hai viết: “Theo người khác để lắng nghe âm thanh của chánh pháp. Lại khiến cho người khác nghe chánh pháp tịch diệt nên gọi là Thanh văn, tức là Thanh văn Thanh văn. Thêm nữa, Luận Du Già quyển thứ tám mươi bốn nói về bốn loại Thanh văn, nay là loại Thanh văn hướng tới tịch diệt. Nghĩa của bốn loại Thanh văn trong phần Huyền Đàm đã biện minh.

- Sở câu: “Kết thành thừa của chính mình”: Luận viết: “Như thế là âm thanh ấy được thấu rõ, hội nhập. Cho nên là chúng sinh vô ngã chẳng phải là pháp vô ngã”. Ý nói: Chỉ có chúng sinh là không nên chỉ thành Thanh văn Thừa.

- Sở từ câu: “Nhưng chủ thể đối trị” tiếp xuống: Là tóm kết xác nhận bốn đế là Thanh văn Thừa. Nhân ác, quả ác, hai Thể đều mất, Thể của thiện không mất, nên trên hết là đạo. Mê mờ Thắng nghĩa những ngu như thế dấy khởi mười Thiện. Hàng Thanh văn thừa thuận đó mà diệt, nên diệt khác Nhân, Thiên thừa.

- Nói: “Thành Thanh văn Thừa, nghĩa bao hàm cả đạo, diệt”: Đạo tức là Nhân nơi Thừa. Diệt tức là Quả nơi Thừa.

- Sở câu: “Thứ ba là phần thiện của hàng Duyên giác”: Nhưng Duyên giác, Thanh văn đều có hai loại. Theo tướng chung mà nói thì Thanh văn quán về đế, Duyên giác quán về duyên. Thanh văn dựa nơi âm thanh, Duyên giác dựa nơi hiện sự. Cho nên đều có hai loại:

Một: Thanh văn - Thanh văn: Nghĩa là gốc cầu Thanh văn, cũng quán về bốn đế, nơi thân sau cùng được gặp Phật, thành tựu quả vị.

Hai: Duyên giác - Thanh văn: Tức nơi cầu Duyên giác, quán về mười hai nhân duyên, nơi thân sau cùng được gặp Phật, được Phật thuyết giảng giáo pháp mười hai nhân duyên, dựa vào âm thanh ấy mà giác

ngộ nên gọi là Duyên giác - Thanh văn. Hai loại Duyên giác là:

Một: Duyên giác - Duyên giác: Nghĩa là gốc cầu Duyên giác, nơi thân sau cùng chẳng được gặp Phật ra đời, tự nhờ vào nhân duyên của sự vật hiện có mà đạt đạo.

Hai: Thanh văn - Duyên giác: Tức trước cầu Thanh văn, giác ngộ, đạt được quả thứ nhất, chưa hiện chứng Niết-bàn, sau khi bảy lần sinh tử nơi cõi trời, người, đủ rồi ra đời, gặp lúc không có Phật, nhờ vào duyên của hiện sự mà đạt được đạo quả. Nay, ở đây là căn cứ theo loại Duyên giác - Duyên giác để biện minh về pháp thiện.

- Số câu: “Phương tiện chẳng đủ thì lực dụng chẳng kham nổi việc nêu giảng”: Hàng Duyên giác xuất hiện ở đời không có chín bộ kinh, nên ở đây không có chỗ để y cứ, do đó chẳng có thể nêu giảng. Chẳng phải là trí Tuệ kém so với hàng Thanh văn. Phần còn lại có thể dựa theo đây mà nhận biết. Diển rộng như nơi Luận Du Già. Trong phần địa gốc của Luận ấy gồm có mười bảy địa, Thanh văn địa tương đương địa thứ mười ba. từ quyển hai mươi mốt đến quyển ba mươi bốn. Tức trong các quyển ấy đã nêu rõ về Duyên giác địa. Địa thứ mười bốn là phần cuối của các quyển đó đã kiến lập về Duyên giác có năm thứ tướng:

Một: Là Chủng Tánh.

Hai: Là Đạo.

Ba: Là Tập.

Bốn: Là Trụ.

Năm: Là Hành.

- Gọi là Chủng Tánh: Tức do ba thứ tương ứng nên chính thức thấu rõ về toàn bộ bản tính nơi Duyên giác. Thứ nhất, lúc chưa chứng đắc đạo quả Bồ đề kia, có “Bạc trần tánh”, do đây mà không ưa thích nơi chốn ồn ào, hết sức vui thích nẻo tịch tĩnh. Thứ hai, có “Bạc bi tính”, nên đối với sự nghiệp lợi sinh chẳng vui thích. Thứ ba, có “Trung căn tính” là Hành hóa chậm, Nguyện ít, không thầy không kẻ đối địch mà chứng đắc.

- Là Đạo: Cũng có ba: Thứ nhất: Hàng trăm kiếp gần gũi, vâng theo Phật tu tập, tích chứa các pháp thiện xảo v.v... Thứ hai: Gặp Phật ra đời, gần gũi hàng thiện tri thức, nghe giáo pháp, nhưng chưa chứng đắc Noãn vị. Thứ ba: Đã đắc quả vị Sa môn, nhưng chưa rốt ráo.

- Là Tập: Tức dựa nơi ba thứ kia để tu tập các pháp Bồ đề phần.

- Là Trụ: Thứ nhất gọi là “Lân giác” tức ưa thích nơi chốn tịch tĩnh. Hai loại sau gọi là “Bộ Hành”, cũng ưa thích nơi bộ chúng v.v...

- Là Hành: Tức dựa theo các thôn xóm, giữ gìn các căn, chánh

niệm, vận dụng thân thông hóa độ các loài, không dùng ngôn ngữ để thuyết pháp. Lại nói: “Tất cả trước nay toàn bộ đều hướng về tịch diệt”.

Giải thích: Nay nơi kinh, Luận nêu có chung ba thứ Tánh. Câu tổng quát là nói về sự tu tập, hiển bày tự mình có tập cũng có đạo. Thứ nhất là Tự giác, tức là “Lân Giác”. Thứ hai: Chẳng thể thuyết giảng tức là Hành. Cũng là trước biện minh về “Bạc bi chủng tánh”. Thứ ba: Là Quán ít về cảnh giới. Có hai ý: Ý trước là do có đạo. Ý sau là theo tướng chung mà biện minh. Phần còn lại hầu hết là giống nhau.

- Số câu: “Phần thứ tư là mười Thiện của Bồ Tát”: Văn gồm ba:

Một: Nêu lên bốn tên gọi của Luận.

Hai: Từ câu: “Trong bốn thứ ấy” tiếp xuống: Là phân biệt, nhận định.

Ba: Từ câu: “Nói là nhân nơi Tập” tiếp xuống: Là dựa nơi Luận để giải thích lần nữa.

- Số câu: “Hai là đầy đủ sự thương xót là diệu dụng của Bồ Tát”: Luận viết: “Thấy các chúng sinh tạo nhân của Hành khổ cùng lúc thọ nhận khổ não thì khởi tâm thương xót”. Ý nói: Thấy rõ về nhân của Hành khổ, thương xót về chỗ sẽ thọ nhận khổ, nhận thấy về quả khổ đã thọ nhận nên càng thể hiện tâm bi nhân cứu độ.

- Số Câu: “Một là quán về cầu Hành, chứng đắc trí độ viên mãn. Luận viết: “Ba là thọ nhận quả vị lớn là địa, do đó cầu chứng đắc trí tuệ rộng lớn của Phật .

Hai là làm thanh tịnh trọn vẹn các chương, đoạn trừ hai mươi hai thứ ngu. Đã đoạn trừ thứ. Chính nơi địa Như Lai cũng có hai thứ ngu: Thứ nhất là ngu đối với tất cả chỗ cực vi tế nơi cảnh giới của đối tượng được nhận biết. Thứ hai, là ngu đối với chương ngại cực vi tế. Đến phần Thiện của Phật mới đoạn trừ. Luận nói: Trong đây chỉ nói Bồ tát địa mở rộng ra liền thành đủ, vì cơ gì còn nói thêm địa tịnh Ba-la-mật tịnh. Ý đây nói về sự thanh tịnh của địa thứ mười chỉ dùng câu đầu tức hiển bày trí địa đã đủ rồi, tại sao còn dùng hai loại sau để luận? Ý đáp rằng: 1) Từ sơ địa trở đi lần lượt chuyển đổi làm thanh tịnh các chương cho đến đây là cứu cánh. Cho nên luận nói có thanh tịnh bậc thượng. 2) Một địa một độ thanh tịnh. Như Luận nói pháp thứ nhất thanh tịnh, đó là nghĩa của Ba-la-mật.

Phần thứ năm là chỗ Thiện của Phật:

- Số câu: “Ba pháp trước là thuộc về Phật”: Hiển bày về đức của Phật, chỉ nêu rõ về môn quán. Một pháp sau về tư duy như nhau, nên

có hai ý:

Một: Căn cứ nơi đức của đối tượng được mong cầu. Hai phần tư duy như nhau, tức là môn Hành.

Hai: Hiển bày pháp Phật là thù thắng. Cũng là môn Quán. Trong bốn thứ nghĩa thì:

Một là: Đối chiếu với hàng phàm làm rõ chỗ thanh tịnh.

Hai là: Đối chiếu với Tiểu thừa làm rõ chỗ xả bỏ.

Ba là: Quán chung về các Bồ tát để nêu rõ phương tiện.

Bốn là: Dùng chính mình đối chiếu với Phật để nêu rõ chỗ cầu đạt.

- Sớ câu: “Một là diệt trừ”: Tức là nẻo nghiệp bất thiện. Đây là dứt ác. Dứt ác đối chiếu với tập khí nên có chữ “Cùng”.

- Sớ câu: “Hai là xả bỏ”: Tức là sự thành tựu của mười Lực tụ tại. mười Lực hàng phục Ma, nên chỗ tạo tác luôn tăng tiến. Hai Thừa không có, nên gọi là “Xả bỏ”.

- Sớ câu: “Ba là phương tiện”: Là nêu chung về chỗ tu tập theo phương tiện thiện xảo của Bồ tát, khiến mười Thiện của Phật được viên mãn.

- Sớ câu: “Bốn là chỗ cầu đạt của Bồ tát là không biết chán đủ”: Văn nơi bản Sớ giải gồm bốn phần:

Một: Nêu dẫn kinh để làm rõ chỗ cầu đạt.

Hai: Từ câu: “Trên tuy nêu ra” tiếp xuống: Là phân biệt chỗ thực hành thiện.

Ba: Từ câu: “Chỗ thiện của Phật đối chiếu với” tiếp xuống: Là nêu lên ý của Luận để nhấn mạnh Luận viết: “Phần còn lại kia là không chán đủ”.

Bốn: Từ câu: “Trong Nhất Thiết Trí” tiếp xuống: Là giải thích câu: “Nên khiến sự thanh tịnh được đầy đủ”.

- Thứ ba là “Nhiếp chúng sinh giới”:

- Sớ câu: “Trong phần trước đã hiển bày Giới tăng thượng ấy”: Tức Luận, phần đầu nói về sinh khởi, cho rằng, do ở trên đã dựa nơi Tâm đại bi tạo lợi ích cho chúng sinh, là Giới tăng thượng. Trên chỉ là Tự Thiện. Nay, Tâm bi là gồm luôn việc cứu độ nên gọi là Tăng thượng.

- Sớ câu: “Luận gọi là sự sai biệt của Thời”: Luận dựa theo Trí cho là có ba thứ Tướng:

Một: Thời sai biệt.

Hai: Báo ứng sai biệt.

Ba: Tập khí sai biệt. Nay thì cho hai thứ sau ở trong chỗ nhận biết

về Quả. Nhận biết về Nhân là “Thời sai biệt”.

- Sở câu: “Tận thọ làm v.v...” Là suốt đời làm tức thượng phẩm. “Nhiều thời” là trung phẩm. “Ít thời” là hạ phẩm. Nhưng nói “Vân vân”: Đây là Luận Di Già quyển thứ năm mươi ba nêu rõ về “Một trăm Hành”, cũng gọi là “Một trăm phi”. Mười Thiện sử dụng gọi là “Một trăm hành”. Mười Ác sử dụng gọi là “Một trăm phi”. Chữ “Vân vân” là dùng để chỉ cho “Ít phần sát sinh”, “Nhiều phần sát sinh”, “Toàn phần sát sinh”, “Tự làm, chỉ dẫn người khác làm”. Dùng vô lượng môn để khen ngợi, tán dương. Thấy việc sát sinh thì hết sức vui mừng, hoan hỷ, thực hiện khắp mười nẻo ác, tức là “Một trăm phi”.

- Sở câu: “Phần còn lại ba Phẩm như mười Thiện ở trên”: Trong mười Thiện ở trên đã giải thích ba phẩm xong, trở lại nêu ra: “Là bất thiện tức là ngược lại với đây, có thể nhận biết. Luận Du Già quyển thứ sáu mươi hiển bày rộng về chỗ sai biệt. Nay chỉ rõ ba phẩm. Luận lược nêu có bốn chi tiết:

Một: Căn cứ nơi ba Thời. Nay đã biện minh xong.

Hai: Căn cứ nơi Cảnh, có hơn, kém.

Ba: Căn cứ nơi Tâm có sự nặng nhẹ.

Bốn: Căn cứ nơi chỗ tự làm, chỉ dạy người khác làm. Trong mười Thiện nêu trước, cảnh hơn, chẳng sát sinh, về Thiện là phẩm hạ. Chẳng làm hại loài muỗi mòng là thượng phẩm về Thiện. Nay tức ngược lại chỗ ấy, như trước đã biện minh. “Ba là căn cứ nơi Tâm có sự nặng nhẹ, nghĩa thứ nhất là căn cứ nơi ba Thời coi trọng xem nhẹ. Nay thì căn cứ nơi một Thời tức có nặng nhẹ. Cho nên Kinh nói chú tâm giết loài kiến hơn cả vô ý (khinh tâm) giết con người. Trong Kinh tâm chứa cả chú tâm (trọng tâm) để làm ba phẩm. Tâm khinh trọng này cũng căn cứ vào chủ thể dấy khởi phiền não mà phân ra thượng trung hạ phẩm. Vì thế, luận Du Già quyển thứ tám nói: Nhuyên (yếu) gọi là bất thiện tức phẩm Nhuyên của ba phẩm do nơi tham sân si dấy khởi. Tự làm, chỉ người khác làm, khinh trọng thì như nói trong phần thiện nêu trước. Nêu Luận Du Già quyển sáu mươi rộng giảng: “Chính là nói về ác”. Luận nói: Ác nghiệp do sát sinh dấy khởi bao gồm bốn luận chứng: 1) Có tạo sát sinh mà không tăng trưởng. Do ngu và không tư duy, cùng đã sám hối. 2) Không tạo sát na mà tăng trưởng? Nghĩa là suy nghĩ những việc muốn sát na. 3) Đều tạo sát đều tăng trưởng. 4) Đều không tạo sát đều không tăng trưởng. Các nghiệp khác có thể biết cũng vậy. Trong ba nghiệp của ý thì không có luận chứng thứ hai, và trong luận chứng một thì không có không tư duy mà tạo sát, bức hai người khác và dạy người khác làm.

Giải thích: Tức bốn luận chứng trên thì thứ nhất là trung phẩm ác, thứ hai là hạ phẩm, thứ ba là thượng phẩm ác. Còn thứ tư là đồng với ngộ sát (giết lầm), không thuộc trong ba phẩm. Trên đều là ý của Luận Du Già. Nếu dựa theo kinh Như Lai Bí Mật Tạng, Tôn giả Đại Ca Diếp hỏi Phật về mười Ác thì cái gì là nặng nhất? Phật đáp: Đó là sát sinh cùng tà kiến. Tiếp lại nói: Mười ác v.v... cho đến tội nhỏ cố chấp giữ gọi là phạm. Nếu không cố chấp giữ cho đến, không gián tiếp giữ không gọi là phạm. Đây tức căn cứ theo tâm nói tà kiến cố chấp là nặng.

Giải thích: Đây tức là mười Ác cùng đối chiếu.

- Nói “Chẳng phạm” ý là nói nhẹ, nhỏ. Cho nên, phần đầu của văn dưới nói: “Trộm vật trong tháp, tự không gọi là phạm”. Sau lại nói: “Nghĩa này nhân đây bị đọa nhân đây mà giải thoát. Ví như người từ trời rơi xuống đất, cũng nhân nơi đất mà đứng dậy. Tiếp Kinh lại nói: “Cha đắc đạo Duyên giác, con đoạn mạng của cha gọi là phạm trọng trong Sát sinh. Đoạt lấy vật của tam bảo là phạm trọng trong trộm cắp. Nếu mẹ xuất gia đắc quả A-la-hán, cùng làm bất tịnh là phạm tội trọng trong dâm dục. Nếu dùng lời không thật phỉ báng Phật là phạm tội trọng trong vọng ngữ. Nếu trọng vọng ngữ. Nếu dùng lời hai chiều phá hoại Hiền Thánh Tăng là phạm trọng trong lưỡng thiệt. Hoặc mắng chửi Thánh nhân là phạm trong ác khẩu. Nói năng nhiều loạn, phá hoại người cầu pháp là phạm trọng trong ỷ ngữ. Hoặc nghiệp đầu trong Ngũ nghịch là nặng về sân nhuế. Muốn cướp đoạt vật của người trì giới là nặng về Tham, nặng về tà kiến thì gọi là Biên kiến. Kết luận nói: Đây là phá trọng trong mười Ác. Giải thích: Đây tức căn cứ vào cảnh có hơn kém, nhưng chỉ nêu phần nặng (trọng) còn trung, hạ có thể biết.

Tiếp kinh lại nói: Đây Ca diếp! Nếu có chúng sinh đầy đủ mười pháp này hiểu rõ biết như lại thuyết về pháp nhân duyên không có ngã, Nhập, Pháp, bản tánh thường là tịnh, thì nói người này không hưởng tới nẻo Ác. Vì sao? Do không có tích tập. Giải thích: Đây tức ý trong Kinh Tịnh Danh, là lý Quán sát hối, cũng là từ trước đến nay tâm không chấp đắm, không gọi là phạm. Cũng giống như đức Phật vì vua A-xà-thế thuyết giảng không có chủ thể sát hại v.v...

Đây không phải phần chính yếu trong Sở này, nhưng về nghĩa thuận tiện nêu ra khiến người hiểu mà dứt trừ ác.

- Sở câu: “Dựa nơi kinh Chánh Pháp Niệm Xứ thì trong ba đường dữ đều có chính phụ”. Phần này có thể nhận biết.

- Sở câu: “Tức quả báo tàn dư trong cõi người”: Trong Cõi Trời cũng có quả báo tàn dư, nhưng nơi cõi người nặng hơn nên nhiều, đo đó

đã nêu bày riêng.

- Sớ câu: “Các Luận Tạp Tập, Du Già đã chia quả của tập khí ra làm hai”: Tức nơi Luận Tạp Tập (quyển thứ bảy) Luận Du Già (quyển thứ chín) Luận Hiển Tông (quyển thứ bốnbốn) Luận Câu Xá... Đều nói về “Đẳng lưu Quả” và “Tăng thượng Quả”.

- Sớ câu: “Nhiều là trước nặng sau nhẹ”: Do “đẳng lưu” của Sân hận thì trước nhẹ sau nặng, nên gọi là nhiều.

- Sớ câu: “Như nước chảy xuống thấp”: Tức nơi sách Chu dịch, viết về quẻ Càn: “Nước chảy xuống thấp. Lửa bén tới chỗ khô. Mây bay theo Rồng. Gió thổi theo Cọp”. Nghĩa là đều theo đúng chủng loại.

- Sớ từ câu: “Bảo vệ thân mạng của chúng sinh như giữ gìn thân mạng của chính mình” tiếp xuống: Cũng tức là nói về việc đối trị chỗ lìa bỏ như phần trước đã nêu.

- Sớ câu: “Dựa nơi Tâm bi tăng tiến nên luôn nhớ nghĩ đến chúng sinh”: Chính là giải thích về chữ Tập. Dựa nơi chỗ thâm tóm thiện ở trước để dấy khởi Tâm bi nhiếp phục chúng sinh, gọi là “Giới Tăng thượng”. Nay dựa nơi Bi nêu trên để nhằm cứu vớt chúng sanh, tâm bi ấy có thể dấy khởi mọi sự việc đem lại lợi ích cho muôn loài, nên gọi là “Tích tập”.

- Sớ câu: “Luận căn cứ theo tướng riêng là tám thứ chúng sinh”: mười Tâm ở đây cùng với sáu Tâm trong phần lìa giận dữ có giống có khác. Cho nên Luận giải thích cũng có chỗ bất đồng nhỏ. Sáu Tâm trước là:

Một: Tâm Từ.

Hai: Tâm lợi ích.

Ba: Tâm thương xót.

Bốn: Tâm hoan hỷ.

Năm: Tâm lợi lạc nhuần thấm.

Sáu: Tâm thâm nhận. Đối chiếu với mười Tâm này thì có bốn chỗ sai biệt.

Thứ nhất: Lìa, hợp chẳng đồng. Trước gọi là “Chúng sinh hành ác” thì ở đây phân làm hai: Hành ác và Ngoại đạo. Trước là “Chúng sinh thâm tóm nguyện Bồ đề”, ở đây phân hai: Chúng sinh đồng hành và chúng sinh thâm tóm nguyện Bồ đề.

Thứ hai: Chung, riêng chẳng đồng: Trước đối với chúng sinh nghèo thiếu và khổ thì cùng dấy khởi hai Tâm, là Tâm thương xót và Tâm ban vui. Nay ở đây thì ứng hợp riêng. Nghĩa là đối với chúng sinh khổ thì khởi tâm đem lại sự an lạc, đối với chúng sinh nghèo thiếu thì khởi

Tâm bi.

Thứ ba: Dấy khởi Tâm chẳng đồng: Trước, đối với chúng sinh nghèo thiếu thì khởi Tâm thương xót, thương xót sự nghèo khổ. Nay, đối với chúng sinh chẳng phải là nghèo thiếu thì dấy khởi Tâm bi để nhằm cứu khổ. Lại nữa, trước đối với chúng sinh hưởng nhiều dục lạc thì dấy khởi tâm lợi lạc nhuần thấm khiến xả bỏ phóng dật, trụ nơi pháp thiện. Nay thì dấy khởi Tâm thương xót, nhớ nghĩ về họ sẽ nhận lấy các thứ quả báo khổ.

Thứ tư: Trước sau chẳng đồng: Trước, thứ hai là chúng sinh hành ác, đây là loại thứ nhất. Trước là loại thứ tư: Chúng sinh khổ não, đây là loại thứ ba. Trước là loại thứ nhất: Chúng sinh thù oán, đây là loại thứ ba. Trước là loại thứ ba: Chúng sinh bần cùng, đây là loại thứ tư. Ngoại trừ bốn chỗ khác nhau ấy, phần còn lại đều giống nhau.

- Số câu: “Đối với chúng sinh nghèo khổ”: Trước chỉ nói khổ tức là duyên trái hợp, là sự bức bách. Nay nói “nghèo khổ” là duyên thuận hợp không đủ.

- Nói “Thương xót về sự phóng dật kia”: Tức sẽ thọ nhận khổ báo. Cho nên kinh viết: “Do sức mạnh của phước đức nên sinh nhiều phóng dật. Sinh phóng dật tức không có Tâm giữ giới. Do nhân duyên ấy nên bị đọa nơi địa ngục.”

- “Nhưng mười câu là tám”: Tức ba câu sau là nói chung về Bồ đề, có ba bậc hạ trung thượng. Thua kém đối với mình: Tức thâm tóm như Tâm của chính mình. Ngang với chính mình: Tức suy cầu như Tâm của Thầy. Hơn so với mình: Tức đồng nơi Phật.

- Số câu: “Tiếp đến là bậc Tuệ ác, dục ác”: Luận viết: “Ý ác Tâm ác”. Tiếng Phạm là Mạt na, đây dịch là Ý. Tiếng Phạm là Mạt để, đây dịch là tuệ. Âm thanh khi đọc lên gần giống nhau, nên người dịch đã nhầm. Nay nơi kinh là đúng.

- Số câu: “Ngã. Tịnh hai diên đảo gọi là dục Ác”: Nhưng bốn thứ diên đảo ấy là nhân nơi chỗ chấp về năm Ấm. Dựa nơi pháp mà chấp Ngã gọi là Tướng, Hành uẩn. Dựa nơi thân để chấp Tịnh, tức dựa nơi Sắc uẩn để chấp giữ lấy hình tượng, thì tư duy, nghĩ ngợi tự nhiên cho là Ngã, chỗ bị che lấp bởi lớp da mỏng tự nhiên chấp là Tịnh, nên không dựa vào đâu mà chuyên niệm. Nếu chấp Tâm là Thường, thì phần nhiều là do hạn lượng của tư duy. Chấp thọ là Lạc chính là đối cảnh quên niệm. Tức Ngã, Tịnh như “Câu sinh”, Thường Lạc như “Phân biệt”. Do đấy có khó, dễ. Đại sư Tuệ Viễn cho Ngã là gốc của Thường, Tịnh là gốc của Lạc. Cho nên dùng “Gốc Ngọn” để giải thích chỗ “Khó dễ”.

Nhân đó nói có chín thứ Gốc - Ngọn:

Một: Như nơi Luận Khởi Tín: Chân là gốc, Vô minh là ngọn. Dựa nơi Chân như nên có Vô minh.

Hai: Vô minh là gốc. Ba điên đảo là ngọn.

Ba: Kiến đảo trong ba điên đảo là gốc. Tướng, Tâm là ngọn.

Bốn: Ba điên đảo là gốc, bốn điên đảo là ngọn.

Năm: Ngã, Tịnh trong bốn điên đảo là gốc. Thường Lạc là ngọn.

Sáu: Bốn điên đảo là gốc. Trù lâm (Rừng rậm của phiền não, tà kiến) của chúng sinh nơi cõi ác là ngọn.

Bảy: Tức đây là gốc. Hoặc của hiện hành dấy khởi là ngọn.

Tám: Các Hoặc là gốc, các Nghiệp là ngọn.

Chín: Các Nghiệp là gốc. Quả khổ là ngọn. Nay chỉ nêu lên loại thứ năm.

- Số câu: “Do chấp Ngã Tịnh...”: Chấp Ngã là thiên về danh của dục. Chấp Tịnh là thiên về sắc của dục. Như nơi kinh Niết-bàn, phẩm Phát Tâm đã dẫn.

- Số câu: “Hành nơi cõi Thật”: Tức Luận giải thích về chánh niệm. Chánh niệm tức là bốn niệm nhằm đối trị bốn điên đảo.

- Số câu: “Hai là đối oán trong Tâm”: Do văn không theo thứ lớp, nên nêu lên để làm rõ lần nữa.

- Số câu: “Tóm kết về ba nghiệp trên”: Tức tà ngữ, tà nghiệp đều thuộc về tà mạng.

- Câu: “Nghĩa là thọ dụng nơi Bảo ngoạn”: “Bảo ngoạn” (Vật dùng để thưởng ngoạn quý giá) tức là Tham. Thọ dụng là sân. Chỗ thiêu đốt của phiền não thì nói chung cho cả ba độc.

- Số từ câu: “Nhưng Si có hai” tiếp xuống: Là biện minh riêng về Tướng của Si.

- Số từ câu: “Cũng lại chẳng biết” tiếp xuống: Là xác nhận nghĩa si mê ở trên. Hai thứ Tham Sân nêu trước là ý của kinh Pháp Hoa. Kinh viết: “Người cha tuy thương xót khéo nói lời dẫn dụ, mà các con cứ mãi vui chơi, không chịu tin, chẳng biết sợ, không có ý muốn ra, cũng lại chẳng hiểu lửa cháy là gì, nhà là gì, hại là như thế nào, chỉ chạy đông chạy tây vui đùa, nhìn cha mà thôi...” Nhưng lửa nơi kinh ấy là chung cho Nhân Quả. Cho nên phần tiếp sau của kinh ấy nói: “Vì để cứu độ chúng sinh ra khỏi nạn lửa của sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não, ngu si tăm tối, ba độc”. Nay ở đây chính là nêu rõ về lửa của ba độc. “Thọ dụng Bảo ngoạn” cũng tức là lửa của Quả, nên kinh viết: “Cũng do năm thứ dục, tài, lợi nên phải nhận lấy vô số thứ khổ.” “Mất” nghĩa là chẳng

biết đã mất nơi Pháp thân, cũng là chẳng biết về lỗi lầm của Khổ, Tập, trong đó chính là nêu rõ về chỗ dấy khởi Hoặc nên phần Sở giải không dẫn. “Nhà là gì? Nhà tức là năm uẩn, đoạn văn tiếp theo đã dùng.

- Sở câu: “Hai là không có ý mong ra khỏi”: Tức là mê chấp nơi Diệt, đạo, tức là chẳng biết “Nhà là gì?”. Do đó, phần Sở giải gọi là “Mê lầm cho nhà lửa là an lạc”. Là chẳng biết về Diệt, chẳng rõ về tu Đạo, để cầu xuất ly, vì ý không mong ra khỏi”.

- Sở câu: “Một là lỗi lầm của ngu si che phủ Tâm”: Nhưng bốn lỗi lầm ấy đều là lỗi lầm của Hành ác được tích tập, Si là căn bản. Nghĩa là hiện có cái vui nhỏ để tạo ra việc gây tội, phải nhận lấy khổ lớn, nên là ngu si. Từ câu: “Hết sức tối tăm” tiếp xuống: Gồm sáu chữ, là biện minh riêng về ba lỗi lầm (hai một). Chỗ che phủ gây chướng ngại kia là chung cho hai nghĩa nêu trên.

- Sở từ câu: “Hai là nhập nơi chỗ che phủ của Ấm” tiếp xuống: Là chia tên gọi của lỗi lầm ấy ra làm hai nghĩa: Thứ nhất, trong phần ác tăng trưởng thì chỗ che phủ của Ấm là Si. “Trù Lâm” là dụ cho SỬ. SỬ tức là phiền não. Do Tâm ngu si cùng với SỬ làm nhân. Do nhân dựa nơi Quả là “Rừng rậm” nơi chỗ che phủ của Ấm nên sở gọi là “Kiết SỬ tăng trưởng”. Kiết SỬ tăng trưởng tức là tăng trưởng Ác. Sự việc tăng trưởng ác ấy tức là lỗi lầm của Nghiệp.

- Câu: “Đây là nêu rõ về chỗ xa lìa Thiện”: Luận viết: “Xa lìa trí tuệ vô lậu”. Trí Tuệ vô lậu tức là Thiện. Cũng do nơi Si là chướng ngại của Thiện ấy.

- Sở câu: “Ba là đi nơi đường hiểm trở, nơi chốn đồng không mông quạnh”: Là phần Sở giải dùng ý của Luận, căn cứ nơi kinh để giải thích. Nhưng hai câu này Luận giải thích Kinh không đồng. Kinh kia nói: rơi vào chốn hết sức tối tăm (đại hắc ám) rơi vào chỗ nhìn thấy đó (Sở kiến) đến mức thấy vô số con đường nguy hiểm. Luận giải thích: Nhận chịu tai họa đến mức đối lớn, như Kinh nói: “Rơi vào chốn hết sức tối tăm”. Đối trong đây tức là thị hiện sự tối tăm như trong bóng tối chỗ nào cũng gặp chướng ngại. Pháp tương tự như thế nên nói “Nhận chịu đối lớn”. Sự trở thành đi đến các nẻo ác nên gọi là rơi vào (đọa). Đây giải thích câu trên, phần nhiều là nhân gây tội. Đến khi lâm chung nhìn thấy các tướng báo ác, tâm sinh hối hận, nhìn thấy lỗi lầm như Kinh nói: “Tùy theo chỗ mình thấy (Sở kiến), đến mức thấy vô số con đường nguy hiểm. Thấy con đường ngay hiểu là thấy lỗi lầm đã qua nên thấy tướng của tội xưa kia, không thể tu tập theo chánh kiến để đối trị, nên tùy thuộc vào chỗ nhìn thấy, tức đến thời khắc chết. Giải thích: Văn của

hai kinh khác nhau, nhưng đều nói về quả ở câu trên, nói nhân ở câu dưới. Nhưng Luận giải thích kinh thì “Con đường hiểm nạn là nói nhân, kinh nay thì nói là quả. Lại Kinh nay nói: Đồng không mông quạnh tức là chốn hết sức tối tăm của Kinh kia, Hành tức là nghĩa rơi vào. Sở nay giải thích cũng không trái với Luận, nhưng tóm lược câu “Nhận chịu sinh... Đến đối lớn” là nhận chịu lỗi lầm báo của khổ. Đại (lớn) tức đồng hoang vắng. Đối là nghĩa chướng ngại. Cho nên Luận nói: Sinh tử lớn rộng tức đồng hoang vắng gọi là lớn. Nhiều chướng ngại khó khăn tức là nghĩa của chữ “Đối”. Lời của luận hơi tối nghĩa, nên dựa vào Kinh giải thích vậy.

Kinh viết: “Dấy khởi các thứ ác kiến” tức Luận giải thích kinh nói: “Tùy theo chỗ đối thấy vô số đường hiểm nạn”. Ác kiến là chủ thể đối. Cho nên Luận giải thích câu dưới chỉ nói: Phần nhiều là nhân tạo tội, lúc lâm chung kia thấy tướng báo ác, ý nói câu dưới là nhân, con đường nguy hiểm là chỗ đến tức quả của câu trên vì thế mới giải thích câu trên nói: Nhận chịu đối lớn, sự thành đi đến các chốn ác, nên gọi là rơi vào”. Do thế, kinh nay khéo hợp ý Luận. Nếu người dịch ngược câu: “Con đường nguy hiểm” ở câu trên rồi phán định, không biết được ý này, bèn hợp hai câu của Kinh đấy, để giải thích câu của Luận: Tùy chỗ mình nhìn thấy đến thấy vô số con đường hiểm. Rồi lại đem câu nói về Thiện, mất trí tuệ quang minh ở xa tận trên làm câu đầu: Nhận chịu đến mức đối lớn của Luận. Hoặc lại nói: Kinh nay thiếu mà luận về câu trên: Rơi vào chốn hết sức tối tăm “Thị đều chẳng hiểu”.

- Sở câu: “Hoặc hối hận những gì tu tập trước đây” là hiểu rồi, ăn năn xưa kia không thể tu tập quán hành đối trị, chỉ sinh hối hận việc đã qua, nhiều loạn tâm mình. Cho nên Ngài Tịnh Danh an ủi các Bồ tát có bệnh nói: Nói ăn năn tội trước đây mà không nói hội nhập nơi quá khứ.

- Sở câu: “Hoặc dấy khởi Ác kiến”: Nghĩa là, hoặc khi còn sống từng làm thiện ít, tạo tội lỗi thì quá nhiều, lúc lâm chung do quả báo ác nên đã bác bỏ thiện, cho là vô ích. Đó là Ác kiến.

- Sở câu: “Một là thấy được tướng như thật”: Tức chung nơi Sự, Lý. Thật của Sự là nêu rõ chỗ tin Nhân, Quả. Thật của Lý là không chấp các tướng. Cho nên Luận giải thích kinh nói: “Đạt được Trí chẳng phụ thuộc kẻ khác, thấy tất cả đúng như thật, dứt hết mọi chướng ngại”.

- Sở câu: “Câu đầu là nói về Tự thể”: Câu này cũng là chung, cũng là riêng. Riêng nghĩa là Tự thể của sinh tử đã theo. Chung tức chủ thể hiện có, là người tu thiện. Phần chung Sở giải đã biện minh.

- Sớ câu: “Phật tuy xuất hiện ở đời”: Tức gồm đủ bảy nạn nên trừ một nạn là sinh trước sinh sau Phật.

- Sớ câu: “Cho đến bình đẳng”: Do Luận viết: “Nghĩa là Phạm Thiên, cùng với “Phạm thế gian” được xem là chánh kiến xuất thế gian.

Giải thích: Phạm Thiên là chánh báo. “Phạm thế gian” là y báo.

* Sớ câu: “Câu đầu là nói nương tựa”: Do Luận giải thích kinh có ba câu.

Luận viết:

Lìa bậc đạo sự thiện, dựa nơi cảnh giới bất thiện, như kinh nói là “Xa lìa bậc đạo sự thiện xảo”.

Hai là dựa nơi cảnh giới oán, như kinh nói là “Đi vào rừng rậm của ý Ma”.

Ba là xa lìa cảnh giới tạo ra hàng Thiện tri thức, như kinh nói “Xa lìa ý của Phật”. Nên kinh nay cho câu một giống với câu ba nên lược không có câu một. Sớ đã tận dụng ý của Luận kết hợp hai câu đầu để giải thích một câu nơi kinh. “Dựa nơi Oán địch” là câu hai. “Mất chỗ lìa pháp ác” là câu một. Do nương tựa nơi oán địch ắt mất chỗ xa lìa thầy xấu ác. Hai thứ này cùng thành nên có thể hợp làm một.

- Sớ câu: “Một là sai biệt của đạo (nẻo đường)”: Nhưng cõi là căn cứ nơi sự luân chuyển nên dụ cho dòng sông chảy xiết. Cảnh giới thì căn cứ theo sự khó ra khỏi nên ví với lao ngục, đều là tăng trưởng lỗi lầm về khổ. Tiếp dưới nói Tiểu thừa, ngoại đạo phần nhiều trái với đạo.

- Sớ câu: “Cầu đạt có trong chỗ không”: Tức tạo tác nghiệp thiện v.v... cầu đạt có Quả gọi là “Trong chỗ không”.

- Sớ câu: “Nhưng trong phần chung kia”: Chung thì cho sáu cõi là sông. Nay thì chọn lấy tính chất “Hằng - chuyển” của A-lại-da. Bảy thức là sóng dôi đều như trước đã nói.

- Sớ câu: “Nên quả khổ này”: Là nói về nghĩa tương tục. Như dòng sông tuy sâu nếu không có sự nối tiếp của dòng chảy thì dễ bị khô cạn.

- Sớ câu: “Ở nơi sinh tử ấy mà chìm nổi”: Tức nơi Luận Du Già quyển thứ tám mươi sáu nêu rõ năm thứ Tướng, nên biết là thuận theo dòng chảy mà bị chìm nổi:

Một: Hoặc ở nơi đây mà chìm nổi.

Hai: Do ở đây mà chìm nổi.

Ba: Dựa vào đây mà chìm nổi.

Bốn: Như đây mà chìm nổi.

Năm: Thời gian chìm nổi. Phần Sớ giải đã chú thích đủ nơi dưới mỗi câu, gồm luôn cả việc giải thích Luận gốc. Do kinh đã thêm chỗ phân biệt nơi bốn dòng chảy khác với Ái, nên hợp bốn cùng với năm làm một sự trôi nổi.

- Sớ câu: “Do sự chìm nổi ấy”: Tức Luận Du Già nói về tướng thứ hai, do Ái nên trôi nổi. Như con sông mang tên gọi nổi tiếng tất phải sâu rộng, ví như sông Hằng.

- Sớ câu: “Một là hiển bày tính chất chảy xiết của con sông”: Tức nơi Luận Du Già nói về Tướng thứ năm, là “Thời gian chìm nổi”. Nước chảy thông thả thì dễ đi qua. Sinh tử nếu không cấp bách thì đạo Thánh có thể phát sinh. Sắc của sức trẻ chẳng dừng, trong từng sát na đời biển, vừa muốn tu đạo, tam muội đã không. Đây tức là căn cứ nơi Quả.

- Sớ câu: “Nghĩa là tùy nơi dục”: Cảnh của năm Trần đều có thuận, trái nên sinh ra ba Giác, cũng gồm luôn cả tám Giác, như nơi phẩm Phát Tâm đã nêu. Đây là căn cứ nơi Nhân, nên gọi là “Dựa vào đấy mà chìm nổi”. Nếu không có “Giác ác” thì không có trôi nổi, tức Luận Du Già nói về Tướng thứ hai trong năm Tướng.

- Sớ câu: “Kinh Đại Bát Niết-bàn thì cho dục v.v...” Tức nơi quyển thứ hai, phẩm Thuần đà, Thuần đà đã nêu ngược về giáo pháp với Bồ tát Văn Thù nhằm hiển bày tính chất vô vi nơi Phật. Phần dụ viết: “Ví như có người con gái nghèo mang thai dừng chân nơi quán trọ đất khách, sinh nhờ ở đấy một đứa con, bị người chủ quán trọ xua đuổi, người con gái phải bế con ra đi, muốn đến một nước khác, giữa đường gặp phải gió mưa dữ xấu, lạnh khổ cùng ùa đến, lại bị các thứ muỗi mòng, ong bọ, trùng độc tìm tới chích, hút, rúc rủa...” Đại sư Tăng Tông nói: “Vì bị các thứ tà học tác động chi phối, dụ cho mưa gió. Chưa tránh khỏi việc bị phiền não hủy hoại thiện căn, ví như rắn dữ trùng độc”. Nay ý của phần Sớ giải cho rằng: Kinh dùng sáu nẻo (Lục đạo) dụ cho dòng sông chảy xiết, tức là dòng sông của Quả thì phải nên dùng dục v.v... Dục nơi trùng độc, giống như cách giải thích của Đại sư Tăng Tông. Luận không có phần giải thích riêng, nên phải dẫn cách giải thích khác.

- Sớ câu: “Phần thứ hai là dấy khởi nạn, có bốn chi tiết”: Thứ nhất là kiến chấp hai, tiếp theo là Ái. một sau là Mạn. “Do thân kiến chấp giữ”, tức cũng ý nơi Luận Câu Xá:

“Do hai chẳng vượt dục. Do ba, lại về thấp”.

Giải thích: Đây tức là năm Kiết của Thuận Hạ phần. “Do hai chẳng vượt dục” tức dục Tham và Sân. “Do ba lại về thấp” tức là Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi. Kinh chỉ nói về Thân kiến, nên nơi hàng

trước, Sở viết: “Nói chấp giữ là cũng bao gồm cả Giới cấm thủ”, là cùng trở lại nơi Hoặc của cõi Dục, nên lược không nói đến Nghi. Do đó, Tham, Sân hai thứ như lính canh giữ ngục. Thân kiến v.v... ba thứ ấy như kẻ tuần canh trong ngục.

- Sở từ câu: “Nếu dựa theo kinh Niết-bàn” tiếp xuống: Là nhằm lãnh hội chỗ giải thích kinh. Trước hết là nêu dẫn kinh Niết-bàn, phần nói về La sát Ái kiến đều xin phao nổi vượt biển như ở trước đã dẫn. Do phần văn nêu dẫn lại không đủ chính là để kết hợp nơi văn của Luận. Nêu dẫn đầy đủ là: “Trong nước, La Sát Ái kiến ...” Ở đây, chỗ chấp giữ chính đối với nước, tức là dòng chảy của Quả, nên sở đã phối kết với nơi chốn tích tụ.

- Sở câu: “Câu dục v.v... Và ưa thích tham đắm”: Đây là văn của Luận. Trước hết là câu đạt năm dục, xong rồi thì ưa thích tham đắm. Chúng sinh nơi nơi đều tham đắm nên có chữ “Đẳng” (vân vân).

- Sở câu: “ Trong lúc thọ dụng các sự thì dấy khởi Ngã mạn, đại mạn, kiêu mạn”: Phần nhiều là cậy nơi tài năng gọi là “Thọ dụng sự vật”, đại mạn v.v... tức nơi ba địa có văn. Ngã mạn là đối với chỗ ngang bằng tự cho là hơn nên gọi là đại mạn. Đối với bậc trên chẳng cung kính, gọi là kiêu mạn, tự cao, khinh miệt là hiển bày chung về nghĩa Mạn. Mà gọi là “Nguyên phụ” (Gò đất rộng lớn), sách Nhĩ Nhã nói: “Đất cao, bằng phẳng gọi là đất liền (lục). Đất liền rộng lớn gọi là Phụ”.

- Sở câu: “Bốn là vương mắc nơi bãi nổi khô cằn”: Luận giải thích viết: “Ngã mạn là vùng đất liền bị khô cháy”. Luận nói: “Một là chấp giữ. Hai là chuyển trở lại. Ba là tham đắm trong ấy. Bốn là vương mắc nơi bãi nổi”.

- Sở câu: “Đều chuyển ngược lại ba đoạn trên”: Tức: Một là Tự Thể. Hai là dấy khởi nạn. Ba là nêu rõ chỗ mất. Trong sáu phần nói về hành hóa như một là “Kết hợp với nhân thiện” tức là lia Tự Thể. Đã không có Tự Thể tức không có nạn và chỗ mất. năm phần còn lại cũng như thế. Cho nên viết: Đều là chuyển ngược lại”.

- Sở câu: “Một là khổ sự”: Tức một là bị đánh đập bằng roi gậy. Hai là sử dụng tài sản phung phí. Ba là thân thuộc phân tán. Bốn là gông cùm trói buộc thân. Năm là bị giam hãm nơi ngục tù. Trong năm thứ ấy thì ba thứ trước là khổ: Một là bệnh khổ. Hai là khổ vì cầu chẳng đạt được. Ba là khổ vì yêu thương mà phải biệt ly. Bốn là nạn của Giới. Nghĩa là hai thứ sau là Nghiệp. Thứ nhất là Nghiệp của sự phạm giới. Hai cõi trên thì không lia hổ thẹn nên không dấy khởi phạm giới. Năm

là nạn của kiến, chính là nghiệp của tà kiến, Si là gốc.

- Sớ câu: “Không khởi đầu phát dấy phương tiện”: Tức hiển bày phần sau là trung gian nơi chỗ hướng tới chẳng thật. Ba là chung cuộc tạo tác, tức Hành chẳng thật. ba thứ ấy là mất về Đạo (đạo đế), chuyển ngược lại thì có “Vọng Tập”. ba thứ sau là mất về Diệt, chuyển ngược lại thì có “Vọng Khổ”. Hai thứ trước là nội khổ:

Một: Bốn đại tức khổ về lão, bệnh.

Hai: Khổ về năm ấm sung mãn.

Thứ Ba: Là nêu chung về năm khổ còn lại. Người đều chán khổ, do tham vướng nơi ngã nên chẳng thể thoát ra.

- Sớ câu: “Chỉ có Đại Niết-bàn ...” Là chuyển ngược lại phần mất về Diệt đế ở trước tức đạt pháp như thật. Chuyển ngược lại phần mất về đạo đế ở trước thành ba thứ như thật. Hai thứ trước là Thật của Sự. Một thứ sau là Thật của Lý.

- Sớ câu: “Phần còn lại như kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi mốt đã nói”: Tức là Nam bản. Bắc bản là quyển thứ hai mươi ba, đều thuộc phẩm Bồ tát Cao Quý Đức Vương. Trong kinh giảng nói rộng về lỗi lầm của ba thứ “Ác Giác” để khiến dấy khởi sáu niệm nơi “Thiện Giác”. Sau đấy thì nêu dụ này. Kinh viết: “Thiện nam! Ví như có nhà vua đem bốn con rắn độc bỏ vào trong một cái hộp lớn, khiến người trông coi nuôi dưỡng cho ăn uống, tắm rửa, nếu khiến cho một con rắn sinh giận dữ thì vua sẽ chiếu theo pháp luật xử tử, bêu thây nơi chỗ đông người. Bấy giờ, người trông coi rắn nghe lệnh hết sức nghiêm khắc của nhà vua, quá đỗi sợ hãi nên bỏ hộp đựng rắn lại, vội chạy trốn. Vua bèn sai năm kẻ chiên-đà-la cầm dao đuổi theo. Vừa chạy người ấy vừa quay đầu ngó lại, thấy phía sau có năm người rượt đuổi theo rất gấp nên càng chạy dữ. Lúc này, năm kẻ chiên-đà-la dùng phương tiện ác, giấu dao, bí mật sai một tên giả dạng thân thiện đến khuyên bảo người kia quay trở lại. Người này không tin nên vẫn chạy trốn, đến một làng xóm nọ muốn tự ẩn nấu. Lúc đã vào trong làng rồi nhìn xem khắp đó đây chẳng thấy người ở, đồ đạc vật dụng cũng không, bèn ngồi tạm trên nền đất, chợt nghe nơi không trung có tiếng nói: “Này người kia! Làng xóm này hoang vắng, không có người ở, ngay đêm nay sẽ có sáu tên giặc cướp tìm đến, nếu gặp phải bọn giặc ấy thì người khó giữ nổi tánh mạng”. Người ấy nghe tiếng nơi hư không bảo như thế thì càng sợ hãi bỏ làng xóm đó mà đi. Dọc đường gặp phải một con sông chắn ngang, nước chảy cuộn cuộn, mà chẳng có thuyền bè gì cả. Do sợ hãi tức thì dùng các thứ cỏ cây kết làm bè, rồi tự suy nghĩ: “Nếu ta dừng lại ở đây

thì ắt sẽ bị bốn con rắn độc lớn, năm tên chiên-đà-la trong ấy có một gã giả vờ thân thiện, cùng sáu tên giặc cướp làm nguy hại. Còn nếu vượt qua sông thì chiếc bè này thật sự không đảm bảo, có thể sẽ bị chết chìm trong nước. Nhưng thà là chết chìm trọn chẳng để cho các thứ ác kia hãm hại”. Tức thì kéo bè cỏ xuống nước, thân nằm trên bè, tay ôm bè, chân đạp nước, rẽ dòng chảy xiết mà qua sông. Đã đến được nơi bờ bên kia nên an ổn, không còn lo lắng, tâm ý thư thái, mọi sợ hãi đều dứt hết ...”.

Giải thích: Ở trên đã nêu dẫn đầy đủ nơi kinh, theo văn có thể nhận biết. Phần tiếp sau, văn kết hợp rộng. Nay sẽ tóm lược:

Bồ tát Ma-ha-tát được lãnh hội, thọ trì kinh Đại Bát Niết-bàn, quán Thân như chiếc hộp kia, bốn đại đất nước gió lửa như bốn con rắn độc. Rắn có bốn thứ độc: Kiến độc, Xúc độc, Khí độc, Nọc độc, luôn theo dõi người nên tánh đều khác biệt, nuôi dưỡng kỹ lưỡng là vô ích. bốn đại cũng như thế. Lại nữa, rắn có thể dùng chú thuật, thuốc để đối trị. bốn đại cũng vậy, nên xa lìa, hướng tới tám Thánh đạo.

Năm tên chiên-đà-la chỉ cho năm Ấm. Chiên-đà-la kia khiến cho người có ân ái, biệt ly, oán ghét tụ hội. Lại cầm đao gây sắc bén tức có thể hại người. Thường có ý hại, hại khắp tất cả. Lại không có đao gây cầm theo tức là sự hại đó cũng như năm ấm, khiến người xa thiện, gần Ác. Phiền não như vũ khí sắc bén hãm hại. Nói tất cả, tức nếu không có giới Định Tuệ sắc bén, thiện tri thức bên mình thì việc hại ấy còn vượt qua sự hại của năm Ấm. Hại của năm ấm không thể khiến rơi vào địa ngục, chỉ hại làm cho có tội, cũng không thể tự hại, của cải có thể giải thoát không hẳn là thương hại, chỉ có một nơi (phiền não) giết hại mình, nên không thuộc về cái hại của năm Ấm. Trái lại người có trí tuệ phải nên xa lìa chúng,, nương theo Bát chánh đạo, Lục độ vạn hạnh khiến tâm như hư không, thân bền vững như Kim cương.

Một kẻ giả vờ thân thiện là dụ cho Ái, thương rình rập con người, làm cho phải luân chuyển. Chỉ thấy thân, khẩu, ái, không thể thấy tâm ái. Ái đó hư vọng không thật, vượt hơn các hại kia, không có khởi đầu, chung cuộc nên khó thấy, khó xa lìa. Nếu có trí tuệ thì không bị Ái làm hại.

- Nơi làng xóm trống vắng là dụ cho sáu Nhập không có người là dụ cho Nhân không; không có vật dụng là dụ cho Pháp không. phàm phu trông xa, tưởng là chẳng không, Bồ tát biết rõ là không.

- Sáu tên giặc cướp là dụ cho sáu Trần, cướp đoạt pháp thiện của người, không phân biệt được tốt xấu khiến nghèo cùng, cô cút, trở trở

như một kẻ xiển đề (mất nhân tính) không có tánh thiện phòng vệ, tức bị cướp thiện, lại bị giặc lớp cướp đi sở kiến trong cõi Dục giới, cho đến ba đời ba cõi đều bị cướp mất. Chỉ có Bồ tát với sự dũng mãnh, tráng kiện, thiện thường theo bên mình, mới không bị chúng cướp.

- Chạy mãi không trở lại, gặp con sông, sông dụ cho phiền não cũng như nước chảy xiết sâu khó biết được đáy. Rời vào vòng xoáy chưa đến đáy đã chết rồi. Chúng sanh cũng thế chưa biết đáy đó là không tức đã xoay vòng trong hai mươi lăm cõi. Sông chỉ có thể làm chìm thân tướng chứ không làm chìm mất pháp thiện. Phiền não thì trái lại có thể nhận chìm mất pháp thiện. Cho nên cần phải siêng năng tu tập sáu độ muôn hạnh, dùng đũa làm thuyền bè để đạt tới bờ Niết-bàn giải thoát. Phần còn lại như nơi kinh ấy đã bàn.

- Số câu: “Chúng sinh thuộc Bất định tụ thật có pháp xuất ly của Đại Thừa”: Rõ ràng là ba Tụ đều có. Vả lại, căn cứ theo thời gian lâu dài nhập nơi Chánh địa Tụ, hoạt động, trải qua nhiều kiếp, nên chỉ có Bất định tụ mới có thể xoay chuyển.

- Số câu: “Pháp Phật rộng lớn”: Tức cũng là con đường của giáo pháp. Trí Tuệ tức là con đường chứng đắc. Địa thứ hai xong.

- Địa thứ ba: là Phát Quang địa:

- Số câu: “Sở dĩ nối tiếp”: Tức trong phần nêu “Ý nối tiếp” gồm ba:

Một: Chính thức biện minh.

Hai: Dẫn chứng.

Ba: Kết hợp giải thích, lãnh hội. Nay nói về chi tiết một, có hai ý:

Một là: Căn cứ theo ba Học. Địa thứ hai là Giới. Địa thứ ba là Định. Địa thứ tư trở lên đều thuộc về Tuệ. Cho nên là thứ tự, tức khiến cho Địa thứ nhất cũng thuộc về Giới

- Số từ câu: “Lại, ba địa trước” tiếp xuống: Là ý thứ hai, căn cứ nơi chỗ quả vị truyền đạt. Tức, địa thứ nhất là Thí. Địa thứ hai là giới, địa thứ ba là Tu.

“Ba địa này sở dĩ gọi là thế gian”: Vì chúng sinh ở thế gian phần nhiều thực hành. Luận Câu Xá viết: “Khế kinh nói có ba sự nghiệp Phước. Một là sự nghiệp phước thuộc loại Thí. Hai là sự nghiệp Phước thuộc loại Giới. Ba là sự nghiệp Phước thuộc loại Tu. Ở đây, vì sao gọi tên là sự nghiệp Phước? Tụng nêu:

“Thí, Giới, Tu ba loại

Đều tùy chỗ ứng hợp

*Nhận tên sự nghiệp Phước
Sai biệt như nẻo nghiệp”.*

Giải thích: Loại tức là Loại của Tánh. ba Loại này đều riêng biệt. Một loại Tánh, Định gọi là Tu. Nghĩa là: Tụng viết:

*“Đẳng dẫn Thiện gọi Tu
Nên huân tập Tâm mạnh”.*

Nghĩa là lìa hôn trầm, trạo cử gọi là “Đẳng dẫn”. Làm phát sinh công đức nên gọi là “Dẫn”. Thiện ở nơi Định này, có thể huân tập Tâm rất mạnh khiến thành tựu loại đức, nên gọi riêng là Tu.

- Số từ câu: “Nên kinh Giải Thâm Mật viết” tiếp xuống: Là phần hai nêu dẫn kinh để chứng minh.

- Số từ câu: “Đây tức nêu đủ hai ý trước” tiếp xuống: Là phần ba (của phần nói về “Ý nối tiếp”) kết hợp giải thích thông tỏ. Nghĩa là, thứ nhất quả vị trước là Trì giới chưa đạt được “Đẳng trì”, tức là theo ý của ba Học. Thứ hai, đã nói chưa đạt được pháp đẳng trì của thế gian, tức là theo ý chỗ quả vị truyền đạt. Ở nơi văn có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Gọi là Phát Quang” tiếp xuống: Là phần chính thứ hai: Giải thích tên gọi. Gồm ba:

Một: Nêu ra tên gọi khác.

Hai: Bàn rộng phần giải thích chính.

Ba: Tổng kết, phân biệt, định rõ. Nơi phần một, nói “Kinh Kim Quang Minh” tức nơi quyển thứ ba. Kinh viết: “Tam muội vô lượng trí tuệ quang minh là không thể lay động, không thể phá bỏ, làm cho khuất phục. Lãnh hội, thọ trì pháp Đà la ni là tạo tác phần gốc, do đó địa thứ ba gọi là Minh địa”. Nói “Luận Thập Trụ” tức Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, tương đương với phần nói trong kinh Nhân Vương quyển thứ nhất, phần sau sẽ giải thích.

- Số từ câu: “Nay gồm thấu” tiếp xuống: Là phần hai, chính thức giải thích. Đoạn sau, từ câu: “Nên Luận Du Già” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Gồm bốn:

Một: Chính thức chứng tỏ chỗ lãnh hội, thọ trì là đối tượng được phát khởi.

Hai: Từ câu: “do nội tâm thanh tịnh” tiếp xuống: Là chứng minh về ba Học.

Ba: Từ câu: “Nhiếp Luận” tiếp xuống: Là nêu dẫn, so sánh để giải thích xác nhận. Nhiếp Luận tức nơi phần bảy. Luận viết: Do chỗ nương tựa của các pháp Đẳng trì, Đẳng chí không thối chuyển là chỗ nương tựa của ánh sáng nơi pháp lớm lao nên được gọi là địa Phát Quang”. Bồ

tát Thế Thân giải thích: “Do trong địa này, cùng với Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề (đăng chí) luôn gắn bó chẳng lìa nhau, không thối chuyển, nên ở pháp Đại Thừa có thể tạo ra ánh sáng, gọi là địa Phát Quang” Bồ tát Vô tánh giải thích: “Do chỗ nương tựa của các pháp Đăng trì, Đăng chí không thối chuyển”: Nghĩa là trong địa này chứng đắc định hy hữu, có thể phát ra ánh sáng của trí tuệ, thấu rõ về các pháp, nên gọi là Phát Quang. Đã được rồi thì không mất nên gọi là không thối chuyển. Các định của Tỉn lự gọi là Đăng trì. Các định Vô sắc gọi là Đăng chí. Đăng trì tức Tâm đồng nhất với Tánh của Cảnh. Đăng chí thì chánh thọ hiện tiền”. “Chỗ nương tựa của ánh sáng nơi pháp lớn lao”: Tức trong địa này cùng với định tương ưng không thối chuyển, đối với pháp của các khế kinh Đại thừa đạt được ánh sáng trí tuệ. Địa này là nhân nơi chỗ nương tựa của ánh sáng ấy, nên gọi là Phát Quang”.

Giải thích: Hai đoạn giải thích nơi Luận này đều thuộc về phần thứ bảy, đại thể là giống nhau, chỉ có khác biệt nhỏ, nên sơ tóm lược chỉ nêu chỗ đồng với Luận Du Già. Phần tiếp theo nói kinh Kim Quang Minh, tức như đã dẫn ở trước.

- Sơ từ câu: “Hai là do lãnh hội, thọ trì là chủ thể phát khởi” tiếp xuống: Là phần hai, nói về đối tượng được phát khởi ở trước, do phân ra chủ thể, đối tượng. Phần này gồm ba:

Một: Chính thức xác lập.

Hai: Từ câu: “do lãnh hội pháp xong” tiếp xuống: Là dùng sự lãnh hội để giải thích.

Ba: Từ câu: “Nên Luận Du Già” tiếp xuống: Là dẫn chứng, tóm kết.

- Sơ từ câu: “Ba là do Thắng định” tiếp xuống: Là phần ba kết hợp. Chọn lấy hai thứ đối tượng được phát khởi của phần thứ nhất để làm chủ thể phát khởi. Được phân làm hai:

Một là: Chính thức lập ra.

Hai là, từ câu: “Nên phần sau của Luận viết” tiếp xuống: Là dẫn chứng: Phần dẫn chứng gồm bốn chi tiết:

Một: Dẫn Luận gốc.

Hai: Dẫn Luận Duy Thức.

Ba: Từ câu: “Nghĩa là do đạt được” tiếp xuống: Là giải thích ý của Luận Duy Thức để xác nhận nghĩa trước.

Bốn: Từ câu: “Nên ở trên, phần gốc nơi Luận nói” tiếp xuống: Là dẫn phần gốc ở trên để xác nhận nghĩa của Duy Thức.

- Sơ từ câu: “Các kinh Luận khác” tiếp xuống: Là phần ba (của

phần giải thích tên gọi) Tổng kết, phân biệt định rõ. E người học sau muốn biết các kiến giải khác nhau nên thuận theo đây nêu ra.

Như nơi Luận Hiển dương, quyển thứ ba viết: “Ba là địa Phát Quang, tức các Bồ tát an trụ trong địa này, khéo tu tập sửa trị địa thứ hai, vượt hơn tất cả địa Thanh văn, Độc giác chứng đắc Tam ma địa thanh tịnh hết mực, tích tụ chỗ nương tựa của ánh sáng nơi Trí lớn. Do đấy, địa này là Phát Quang”. Tức cũng không khác với trước. Lại nữa, ở trên nói kinh Nhân Vương gọi là địa Minh Tuệ, tức nơi quyển Hạ, trong phần nêu rõ về ba Hiền, mười Thánh, đều tu một môn Quán, đều gọi là Pháp sư. Vì thế kinh viết: Đại Mâu ni nói: Nay các thiện nam! Người có tu hành mười ba môn quán là đại pháp vương. Người tu tập từ Nhẫn đến Kim cương dẫn đều gọi là Pháp sư. Nương vào đó gìn giữ mà kiến lập. Nay nói Địa thứ ba, thì kinh kia nói: Lại nữa, gọi là Minh Tuệ đạo nhân. Thường thực hành ba minh trong Nhẫn vô tướng để quán, biết rõ pháp ba đời chẳng có đến đi, chẳng có chỗ tụng mọi tâm vắng lặng diệt hết các phiền não si mê trong ba cõi, chứng đắc ba Minh, thành tựu tất cả công đức nơi Quán. Giải thích; lập tên gọi tuy hơi khác mà nghĩa lý giống như Kinh nay.

- Sở từ câu: “Nên mười Tâm thanh tịnh” tiếp xuống: Đây tức là tổng kết. Từ đây trở xuống là phân biệt, định rõ.

- Sở từ câu: “Như chỗ lia chướng là căn cứ chung” tiếp xuống: Là phần chính thứ ba, bàn về lia chướng. Gồm hai:

Một: Nêu lên phần gốc, gọi là “Lần lượt nêu đủ”.

Hai: Dẫn Duy Thức để lập danh. Tức giải thích tổng quát về nghĩa “Lần lượt nêu đủ”. Ở trong Luận kia thì, trước là giải thích về chướng. Sau thì giải thích về Ngu. Trong phần “Chướng”, thì do quên mất ba Tuệ nên gọi là ám độn. Chướng riêng của ba Tuệ như trong phần sau nói về Ngu. Nay chỉ nêu bày tổng quát.

- Từ câu: “Do địa thứ ba này” tiếp xuống: Là phần sau giải thích việc đoạn trừ hai Ngu:

Một là Ngu của dục Tham: Chỉ lược nêu về Ngu, nên có vấn nạn: Ở trên đã nêu lên sở tri chướng nay sao có thể nêu dục Tham là phiền não? Đáp: Phần tiếp theo, Luận viết: “Xưa kia phần nhiều cùng với tham dục kết hợp gắn bó, nên gọi là Ngu của dục Tham. Nay đạt được định thù thắng cùng sự thành tựu của việc tu tập thì chướng kia đã vĩnh viễn đoạn trừ, dục Tham cũng theo đây mà bị khuất phục. Dục Tham từ vô thủy đến nay đã dựa nơi chướng mà chuyển biến”.

Giải thích: Do dục Tham nên trụ nhiều trong sự tán loạn, gây

chương ngại cho Định và tu Tuệ. Do dục Tham ấy dựa nơi chướng mà chuyển biến, nên chướng dứt hết thì dục Tham cũng mất.

- Sở từ câu: “Hai là Ngu của sự viên mãn pháp Đà-la-ni” tiếp xuống: Tức “Trì” này chung cho bốn loại”

Một: Trì của Pháp.

Hai: Trì của Nghĩa.

Ba: Trì của Chú.

Bốn: Có thể đạt được Trì của Nhãn. Do văn Tuệ, Tư Tuệ cùng với chỗ lãnh hội thọ trì kia là hết sức gần gũi, do đấy mà nêu ra riêng chẳng phải là chẳng gây chướng ngại cho sự tu tập.

- Sở câu: “Nếu căn cứ nơi đối tượng được chứng đắc thì chính là dựa theo Tổng Trì”: Bốn thứ chứng đắc như để nêu rõ về giáo pháp được lưu hành. Nhưng về đối tượng được chứng đắc là Như thì Luận tự giải thích. Đây có hai ý:

Thứ nhất: Được ba Tuệ soi chiếu nơi pháp Đại thừa, quán chỗ căn bản của giáo pháp ấy là Chân như. Như tức là “Thắng lưu”. Luận giải thích: “Như ấy nơi giáo pháp được lưu hành là thù thắng tối thượng”.

Thứ hai: Nếu chứng đắc Như ấy gọi là pháp được thuyết thù thắng, nên phần thuyết bày ấy”. Khéo thuyết tức là thù thắng. Từ câu: “Có thể xả bỏ thân mạng này” tiếp xuống: Tức là văn của Bồ tát Vô tánh giải thích Nhiếp Luận. Tức là giáo pháp được lưu hành này là tối thắng, nên xả bỏ thân mạng để cầu đạt cho sự khéo thuyết giảng ấy, chẳng cho là nạn.

- Sở câu: “Chỗ hành thành tựu kia cũng chính là Thiền”: Tức nơi đoạn sau, trong phần nói về chán lìa và cầu đạt chỗ hành pháp, là dùng phương tiện để thấu tóm Hành. Luận Trang Nghiêm viết: “Trụ thứ ba có thể phát sinh nơi cõi Dục mà không thối chuyển nơi Thiền”.

- Sở từ câu: “Về chỗ đạt được cũng đạt được pháp và Thiền” tiếp xuống: Là dẫn “Lương Luận” để chứng minh nơi đạt được pháp, dẫn kinh Kim Quang Minh để chứng minh về chỗ đạt được Thiền.

- Sở câu: “bốn trong phần trước”: Văn nơi bản Sở giải gồm ba:

Một: Nhận xét tổng quát.

Hai: Từ câu: “Địa này tu tập Thiền” tiếp xuống: Là giải thích.

Ba: Từ câu: “Cũng có thể là” tiếp xuống: Đối chiếu chỗ thuộc nơi ba Tâm.

- Sở từ câu: “Tức khác với hai địa trước” tiếp xuống: Là sở dùng kinh kia để phân biệt với văn hiện nay. Nói “Lại do mười Tâm”: Chủ thể niệm tức là mười Tâm đầu của địa này, ở trong Thiền định cầu muốn

đạt tới chỗ sâu xa. Đối tượng được niệm tức là hai địa, là mười Tâm, do nhằm cầu đạt Thiền trở lại niệm về Tịnh giới. Do Giới thanh tịnh nên mới đạt được thiền định. Tiếp theo là dẫn Luận Du Già để chứng minh, xác nhận nghĩa trên. Gồm hai:

Một: Nêu rõ về đối tượng được niệm.

Hai: Từ câu: “Lại do mười Tâm tịnh khác” tiếp xuống: Tức là nói về chủ thể niệm. Dấy khởi mười Tâm ấy ở nơi trước địa tu tập thành tựu bậc hạ, trung, chưa vào địa này, cố thành tựu phẩm thượng mới nhập ba địa. Ba địa tức Tâm tăng thượng được trụ.

- Số câu: “Thứ nhất là nói về Tâm thanh tịnh”: Nhưng mười Tâm đều thanh tịnh, do câu đầu bao gồm chung nên riêng được mang tên là Tịnh.

- Số câu: “Dựa nơi chẳng bỏ Thừa của mình”: Nghĩa là đối với pháp của Đại thừa vốn an trụ, tâm kiên cố, chẳng lay động. Câu này là chung. Phần tiếp sau nói “Cùng với mười tâm trước”, tức là mười tâm của địa trước không rời bỏ tịnh giới mới đạt được định.

- Số câu: “Nếu chẳng tăng tiến tức gọi là thối chuyển”: Đây tức chưa đạt được Bất thối. Luận viết: “Năm là dựa nơi Thừa của chính mình chẳng bỏ, mà từ đó tăng tiến hơn.

- Số câu: “Nghĩa là phiền não của tự tha, chẳng thể gây hủy hoại”: Giải thích là địa thứ hai. Địa thứ hai có phiền não gì? Tức gây chướng ngại nơi địa thứ ba, là Hoặc của địa thứ hai. Nay phiền não không còn hiện tiền nên gọi là “chẳng gây hủy hoại”.

- Số câu: “Dựa theo Đẳng chí nơi tám Thiền nên ra vào tự tại”: Luận viết: “Tam-ma-đề tự tại”. Tam-ma-đề là tiếng Phạm xưa, tức là Tam ma bát đế, Trung Hoa gọi là Đẳng chí.

- Số câu: “Đều do có Trí nên không bị nhiễm nơi phiền não”: Do có Trí nên đạt được những thích thú thù thắng, ở nơi nhiễm mà chẳng bị nhiễm.

- Số câu: “Hai Tâm rộng lớn ấy cùng với trước sau có khác”: Các nơi chốn có Trí, trên cầu đạt là lớn. Có bi bao gồm muôn vật là rộng. Địa trước cũng do chẳng nhiễm vướng là lớn, lợi tha là thù thắng. Nay cho lợi tha chẳng phải là Tiểu thừa nên cũng được gọi là lớn. Trí không cầu đạt chỗ hẹp nên cũng được xưng là rộng

- Số câu: “Trong phần nói về Hành chán lìa” gồm hai:

Một: Chính thức phân định.

Hai: Từ câu: “Lại nữa, ba đoạn này” tiếp xuống: Là thấu tóm quả vị. Hai vị trước là Tự phần. Một quả vị sau là Tự phần tăng tiến. Cứu

giúp lỗi lầm của hàng Tiểu thừa để tăng tiến là dựa nơi trước mà tinh tấn tu tập.

- Sớ câu: “Hai chữ “Mạng, Hành” nói pháp vốn vô thường”: Tức nơi kinh là chữ “Hữu vi”. Đây là giống nơi kinh Đại Bát Niết-bàn: “Ta xem các Hành thấy đều là vô thường”.

- Sớ câu: “Vì sao ở đây gọi là Thường, tức trước gọi là mạng, hành”: Mạng, Hành là Luận giải thích kinh gọi là “Hữu vi”. Ở đây hỏi về lý do của vô thường cũng là pháp vô thường.

- Sớ câu: “Cái gì là vô thường, tức trước gọi là chẳng trụ”: Chẳng trụ là Luận giải thích kinh, tức chữ “Vô thường”. Ở đây là hỏi về Thể tướng của vô thường, nên phần tiếp sau của kinh gọi là Sát na.

- Sớ câu: “Luận viết: “Dựa vào khi thân chuyển biến, lực dụng sinh ra ba thứ khổ”: Quả báo bên trong đời đời gọi là khi thân chuyển biến. Từ Xúc sinh Thọ, từ Thọ sinh khổ, đã là vô thường, hưởng hồ ba khổ lại dấy khởi, nên là vô thường, do chuyển biến sinh khổ nên sự chuyển biến ấy là lực dụng.

- Sớ câu: “Hình, sắc tăng giảm”: Ăn uống là sự hỗ trợ tiện lợi cho phần ô uế bên trong. Cấu uế chẳng sạch còn hiện rõ nơi bên ngoài nên gọi là “Bất tịnh”. Do tăng lên, tổn giảm, tức là vô thường.

- Sớ câu: “Dựa nơi chỗ chẳng giúp các lực dụng xấu ác”: Luận giải thích kinh câu này cũng gọi là vô thường. Đại sư Tuệ Viễn nói: Đây là dùng vô thường để hiển bày về vô thường, dùng thọ mạng yếu cùng tướng thô nơi vô thường để hiển bày tánh của pháp hữu vi là vô thường. Lý vô ngã thì vi tế nên chẳng hiển bày vô thường. Nay kinh khác với Luận, gọi là chẳng an ổn, nên sớ đã giải thích thẳng không phối kết với vô thường cùng với Vô ngã, mà gồm chung cả hai ý tạo sự giải thích về vô thường, chẳng khác với ý của Đại sư Tuệ Viễn. Tạo sự giải thích về Vô ngã là gặp duyên, thọ mạng yếu, chẳng tự tại, nên phần sau nơi câu thứ năm chính là nói không có ngã sở. Vì thế phần Sớ giải thích: “Chỗ Ngã bất định đã hiển bày ngược lại là ngã không”.

- Sớ câu: “Nhưng vô thường có hai thứ”: Đại sư Tuệ Viễn cho là có ba thứ:

Một: “Phân đoạn vô thường”: “Phân đoạn” có hai hướng sử dụng. Hướng về trước là lý do của vô thường. Còn nay, ở đây là Thể Tánh của vô thường. Cho nên phân đoạn ấy không ra ngoài phần này.

Hai: “Thiếu thời”, cũng gọi là niệm niệm vô thường: Nên phần tiếp theo nơi kinh gọi Sát na sinh diệt, bốn tướng đổi dời.

- Sớ từ câu: “Hai là vô thường của Tự Tánh chẳng thành thật” tiếp

xuống: (Tức là loại thứ ba theo Đại sư Tuệ Viễn) văn nơi bản Số giải gồm bốn:

Một: Giải thích chung về tên gọi.

Hai: Từ câu: “Tức ba câu sau” tiếp xuống: Là giải thích riêng về văn của kinh.

Ba: Từ câu: “Căn cứ vào chỗ đời, diệt của ba đời” tiếp xuống: Là tóm kết, chỉ rõ về ý của văn. Trải qua từ giai đoạn trước được sinh ra tức là nghĩa sinh, nay chẳng phải là “Từ đấy” nên gọi là chẳng sinh. Hưởng về giai đoạn sau bị bỏ đi tức là nghĩa diệt. Nay chẳng phải là hưởng về đó nên gọi là chẳng diệt. Cũng có thể gọi là chẳng trụ. Chẳng trụ thì chung cho cả không sinh không diệt. “Vì đối nơi sinh diệt là nghĩa vô thường, hiển bày nghĩa không sinh diệt là vô thường” tức thuận theo nơi ý kinh Tịnh Danh.

Bốn: Từ câu: “Trong đó, ba đời căn cứ nơi môn tương tục”: Là phân biệt về môn chẳng đồng. Nghĩa là, trong các kinh, Luận, biện giải về pháp có hai môn:

Một là tương tục môn: Là căn cứ theo ba thời để biện minh về một pháp. Cho nên biết pháp ấy tức là quá khứ, vị lai là hưởng đến đời sau. Như người nói: Tôi từ khi sinh ra, thì vị lai là hưởng đến già chết. Nay là môn này nên nói: Không phải từ giai đoạn trước sinh v.v...

Hai là dùng ba thời đối chiếu riêng về các pháp, gọi là sinh diệt môn. Đó là một pháp theo thời là ba, ba pháp cùng đối chiếu. Quá khứ là đã qua. Vị lai là mới đến. Hiện tại là nay đang trụ. Vì thế dẫn Luận của Hữu bộ: Từ sự ẩn chứa của vị lai đi vào hiện tại v.v... Thì qua mất rồi gọi là Quá khứ, qua đi tức quay lưng lại hiện tại gọi là khứ ở nơi sẽ có gọi là Vị pháp của nơi sắp sửa dấy khởi, hưởng đến hiện tại gọi là Lai. Cũng có thể đến gọi đó là nghĩa của Hiện pháp sẽ có chưa hiện gọi là vị lai. Nay gọi Pháp Hiện tức trụ ở tương hiện ra nên gọi là hiện tại. Dựa theo môn này mà biện giải về nghĩa không sinh diệt. Nay dựa theo môn trước nên ở nghĩa vị lai có thể nói đủ: Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không trụ, nên không có sinh diệt. Nay dựa nơi môn trước nên đối với vị lai trở lại gọi là “Chẳng đến”. Vì thế phần tóm kết viết: “Hai môn chẳng đồng”.

- Số câu: “Phần thứ hai, từ câu: “Lại quán” tiếp xuống: Là nêu rõ về tính chất không cứu hộ”: Lý của vô thường định rõ chẳng phải là vật có thể bị giảm bớt, nên gọi là “Không cứu hộ”. Câu: “Như bốn phương đều có núi vây bọc” là văn của kinh Niết-bàn, như nơi phẩm Tứ đế đã diễn rộng.

- Số câu: “chín câu trong phần riêng đã căn cứ nơi sinh lão bệnh tử”: Phân định về văn tức là có bốn đoạn:

Câu một- bốn là căn cứ nơi tử .

Hai câu năm, sáu là căn cứ nơi của cái, tài sản cho đời sống.

Câu bảy là căn cứ nơi lão.

Hai câu tám, chín là căn cứ nơi bệnh. Nhưng lỗi lầm của sinh không dựa nơi chỗ Ái của con người, nên đã lược bớt không nói đến. Lại dựa theo tướng chung mà nói là căn cứ nơi sinh lão bệnh tử. Thêm nữa, một thứ sinh cũng hàm chứa “Tài sản cho đời sống” trong đó. Do các thứ bậc tăng trưởng, nên gọi chung là sinh. Bốn đoạn này cũng thấu tóm tám thứ khổ:

- Đoạn hai tức khổ do cầu chẳng đạt được.

- Tử khổ thì gồm luôn khổ do yêu thương phải biệt ly.

- Trong bệnh khổ thì có khổ vì oán ghét mà gặp nhau.

Năm ấm thanh khổ thì chung cho cả bốn khổ. Nay thứ nhất là nói về Tử khổ, đối chiếu với xa gần, nên có bốn câu:

Một: “Gọi là chưa đến”. Từ nhỏ tới lớn đều quy về cửa tử. Một hơi thở hãy còn trở lại tạm gọi là “Chưa đến”. Như ngọn đuốc leo lét trước gió, đâu còn là chỗ dựa, chốn nương? Đại sĩ Văn Thù nói: “Có sự sợ hãi ở trong sinh tử, Bồ tát nên dựa vào nơi nào?” Trưởng giả Duy Ma đáp: “Bồ tát ở trong sinh tử có sự sợ hãi nên dựa vào diệu lực công đức của Như Lai. Phạm phu không có điều ấy nên không có chỗ nương tựa”.

Hai: Lúc tử, sắp lâm chung, gọi là “Đã đến”: Kinh Vô thường viết:

*“Làm sao giữ hình mạng
Chẳng biết chết đến rồi!”*

Ba: “Tướng Tử hiện tiền”: Tức các Thức tối tăm, sáu phủ trống rỗng, chút hơi tàn lạng dần, tâm thần yên lặng. Hoặc tùy theo nghiệp báo mà “Trung ấm” hiện tiền, Thức trong thân ngoài đều có Tướng Tử. Tướng Tử của ấm chuyển gọi là “Trung gian”. Khó hướng tới nẻo tử nên phần nhiều nước mắt nước mũi ràn rụa.

Bốn: Chính thức xả bỏ thân mạng. Gió, đao cắt cửa nơi thân nên gọi là phân tán. Khí dứt hẳn, thân ra đi, gọi là lúc lìa bỏ thân mạng. Kinh Vô thường viết:

*“Mạng căn, khí sắp hết.
Chi thể thủy phân lìa
Các khổ cùng tử kết
Là lúc hận khôn nguôi*

*Hai mắt cùng ngược lên
Đao tử theo nghiệp xuống
Ý tưởng đều hoảng loạn
Không thể cùng cứu giúp!”*

Năm căn đã bị khổ chẳng thể nêu bày, lại thêm bao lo buồn từ trước theo đuổi nơi khổ, càng khiến tâm thêm bức não. “Nói cùng trụ” tức là nghĩa cùng với Tâm tương ứng, nêu rõ người chết ấy chỉ cùng với lo buồn khổ não đồng trụ. Sáu địa viết:

*“Lúc tử, biệt ly
Ngu mê tham luyến
Lòng đầy phiền muộn
Lệ sâu chan chứa
Than khổ bao lời...”*

Tại năm căn là khổ. Nơi cõi ý là lo. Lo khổ càng tăng nhiều là sâu não. Nếu dựa theo kinh Niết-bàn quán thẳng nơi Tử, tự có mười nghĩa: “Phàm là Tử như ở nơi xứ hiểm nạn mà không có lương thực, nơi đi đến thì xa cách diệu vợi mà chẳng có bạn bè. Ngày đêm luôn bước nhưng chẳng rõ biên hạn, bờ bến; sâu thăm tối tăm mà không có đuốc đèn. Vào chỗ chẳng thấy nhà cửa mà có nơi chốn. Tuy không phải là xứ đau ốm mà không thể chữa trị. Đến không ngăn chận mà đi tới thì không thể thoát ra. Không nơi bị hủy hoại, nhưng trông thấy toàn sâu độc. Tuy chẳng phải là màu sắc xấu ác mà khiến người kinh sợ. Ở ngay bên thân mà chẳng thể hay biết”.

- Số câu: “hai câu tiếp theo căn cứ nơi tài sản cho đời sống”: Tức nơi chín câu trong phần riêng. Câu một - bốn là căn cứ nơi Tử. Hai câu năm, sáu là căn cứ nơi tài sản cho đời sống. Chẳng phải chỉ không biết tìm cầu mọi thọ dụng thấy đều là khổ, mà cũng không rõ phần trước đều quy về nẻo Tử. Mà chỗ đầu tiên tìm cầu, thuận hợp thì yêu, trái ngược thì ghét. Cầu thuận hợp chẳng được tức khổ do cầu chẳng đạt được. Ghét vì trái ngược mà điều ấy vẫn đến tức khổ do oán ghét mà lại gặp gỡ.

- Số câu: “Sáu là khổ nhiều vui ít”: Lại thuận theo “Niềm vui hư vọng” nên gọi là vui ít. Tích chứa mà là chỗ tập khởi của tai họa đã là khổ. Ly tán mà còn tham luyến thì sự khổ ấy càng nhiều. Cũng là khổ do yêu thương mà ly biệt.

- Số câu: “Bảy là vào khi thân già”: Là phần thứ ba (một, hai là căn cứ nơi Tử và tài sản cho đời sống) căn cứ nơi già, để nêu rõ về tính chất “không thể cứu giúp”. Sắc diện của thời trẻ khỏe chẳng dừng, cũng

như ngựa chạy. Ánh chiều tà cứ dần dần tối đi thì cái gì có thể trụ lại?

- Sớ câu: “Hai câu sau là căn cứ nơi bệnh”: Câu một là nói bệnh của thời trẻ. Câu sau là bệnh của thời già.

- Nói “Nhân của bệnh”: Từ “Lạc tho” sinh ra Tham, thì sắc đục, thê thiếp đã làm cạn kiệt xương tủy. Hương vị đậm đà đã thiêu đốt khô cháy cả ruột gan. Sao có thể cho là không bệnh? Từ “Khổ thọ” sinh ra sân thì sự giận dữ đã lấp đầy cả tâm não. Chẳng suy nghĩ về chỗ nguy nan, sao cho là chẳng bệnh? Si thì ngu tối chẳng rõ phải trái, loạn động đều ngửa nghiêng sao là chẳng bệnh? Trong câu chín, nói “Nhưng già cũng là nhân của bệnh, mà chẳng cho là nhân”: Già cũng tức là bệnh. Nghĩa là tuổi già, căn hỏng, hình biến, sắc suy, ăn uống chẳng nhiều, khí lực yếu kém, đứng ngồi cực khổ, mạng sống thừa không còn là bao nhiêu, há chẳng phải là bệnh? Huống chi còn thêm loại “Khách bệnh” nên thật khó trở lại tráng kiện. Cây liễu khô gặp phải sương sao có thể sinh khởi tươi tốt? Theo gió, là rụng, trở về gốc đâu biết là lúc nào!

- Sớ câu: “Luận viết: ba câu sau đều nêu rõ về chỗ họa lo nơi thân, vì sao không được nêu bày trong phần đầu?”: Ý của câu hỏi như thế nào? Tức cho là bốn câu trước, ba câu sau là nói về lão, bệnh, tử cùng với chỗ họa lo nơi thân, sao chẳng cùng được nêu bày một nơi? Phần đáp lại “Cho rằng nhằm chỉ rõ thân luôn luôn là mối họa lo: Tức muốn làm rõ mối họa lo nơi Thân chẳng phải là một mà biến hiện khắp nơi già trẻ nên phân ra làm hai nơi.

- Nói “Có thể chợt gia tăng”: Tức Bệnh cùng với Tử đều có thể chợt đến. Cho nên lại có vấn nạn: “Đã cho mối họa lo chẳng phải là một, sao trước chẳng nêu rõ về tướng của già, bệnh?” Đáp: “Vì Tử là quá nặng, nên ở trước, phần Sớ giải viết: “Tướng ấy đã hiển bày”.

- Sớ câu: “Bồ đề, Bồ đề đoạn đều gọi là Bồ đề”: Như trước đã nêu dẫn. “Tướng của Trí, Tánh của Trí” tức ý nơi kinh Pháp Hoa.

- Sớ câu: “Hai diệu dụng trên là tự tại”: Là tóm kết câu trên, dùng Thể để hiển bày Dụng. Câu sau là nhờ chỗ đối chiếu để hiển bày sự thù thắng. Nhưng năm câu này đều có “Thâu tóm công đức lớn”, văn của bản Sớ giải theo đấy mà lược nêu, phần tiếp sau nói về thanh tịnh cũng thế, đều gắn liền với câu tổng quát.

- Sớ từ câu: “Ba là nghĩa lớn nơi đức” tiếp xuống: Gồm ba câu, cũng là, hai câu đầu chính thức nêu rõ về Hành của đức viên mãn. một câu sau là nhờ nơi sự đối chiếu để hiển bày chỗ thù thắng, chẳng lẫn lộn với ngoại đạo.

- Nói “Nghĩa lớn”: Nghĩa tức nghĩa lợi. Đức của sự lợi tha là rộng

nên gọi là lớn

- Sớ câu: “Bốn là đức không hiềm nghi trách cứ”: Tức tính chất thù thắng của đức thanh tịnh. “Không xen tạp”: Luận gọi là “Chẳng giống”. “Thâu tóm công đức lớn” thì phần trước nói: “Nhờ nơi chỗ đối chiếu, gọi là không có gì để so sánh”, tức hiển bày sự thù thắng vượt hơn hàng Nhị Thừa. Nay cho là “không xen tạp” tức vượt hơn hàng ngoại đạo.

- Sớ câu: “Một là không phiền não, tức lìa Hoặc, Tập, Vô minh, chẳng tạp loạn”: “Kiết” của bốn trụ gọi là Hoặc, “Chủng tử” của bốn Trụ gọi là Tập cùng với Vô minh trụ địa, ba loại này đều là Hoặc nên cùng chẳng tạp loạn. Tạp loạn tức là não hại.

- Sớ câu: “Khổ dựa nơi căn bản đã mất nên sâu buồn cũng theo đấy mà dứt”: Thọ của thân gọi là khổ. Thọ của Tâm gọi là sâu. Trước do Thân khổ, sau đấy Tâm sâu. Do đó, nói khổ là căn bản, sâu là chỗ hại lớn của Niết-bàn, nên được nêu riêng. Nếu căn cứ nơi căn bản thì nên gọi là không khổ.

- Sớ câu: “Một là đạt được Thể”: Không lo sâu tức không còn cái khổ trên. Không sợ hãi tức không còn Hoặc, Khổ Hoặc cùng mất gọi là “Rốt ráo”.

- Sớ câu: “Hai là đạt được dụng”: Đối chiếu với Thể ở trên, nói Niết-bàn Vô trụ, tức Thể. Dụng cùng hợp, là gồm đủ đại trí nên chẳng trụ nơi sinh tử; gồm đủ đại bi nên chẳng trụ nơi Niết-bàn.

- Sớ từ câu: “Do cùng chẳng trụ” tiếp xuống: Là Sớ giải thích Luận. Luận viết: “Bồ tát đạt đến thành trì Niết-bàn chẳng còn thối chuyển mà có thể tạo lợi ích cho chúng sinh, đạt được sự việc thù thắng nơi thế gian và xuất thế gian. Chỗ giải thích của sớ, ý nói: Chẳng trụ nơi Niết-bàn nên có thể đi vào thế gian. Do không trụ nơi sinh tử nên có thể vượt thế gian. Hai tướng ấy không ngăn ngại tức là sự việc thù thắng. Sự việc thù thắng tức là Niết-bàn vô trụ. Niết-bàn vô trụ chỉ có Phật mới đạt được gọi là sự việc thù thắng.

- Sớ câu: “Cho đây là nghiệp tức đảo ngược nghiệp của pháp Hữu vi”: Do Bồ đề, Niết-bàn nêu trước chỉ là dứt sạch Hoặc, Khổ, chẳng nói là không nghiệp: Vì có nghiệp của sự lợi lạc không cùng với Hoặc, Khổ kết hợp nên đã chuyển ngược nghiệp của pháp Hữu vi. Từ trước giờ cũng là nói về Tịnh, Lạc, Ngã, Thường.

- Sớ câu: “Nghĩa là thấy rõ trí tuệ của Phật đem lại lợi lạc thù thắng”: Tức nhắc lại phần trước nói về việc giúp đỡ hàng Tiểu thừa. Từ câu: “Hữu vi” tiếp xuống: Là nhắc lại phần trước nói về việc hộ trì nẻo

Hành hóa diệt trừ phiền não. Sở dĩ không theo thứ lớp là vì thuận theo nơi chúng sinh, sau đấy thì Tâm bi mới dấy khởi.

- Sở từ câu: “Nay, chúng sinh, trên thì xa lìa bậc Từ Tôn” tiếp xuống: Ở đây có hai lớp cha - con:

Một: Căn cứ nơi người: Trên xa lìa bậc Từ Tôn gọi là Cô (Tuổi nhỏ mà không có cha). Chẳng giáo hóa chúng sinh là Độc (Giá mà không con).

Hai: Căn cứ theo pháp: Lại không có phương tiện là Cô nên phương tiện được xem là Cha. Lại thiếu tâm thiện là Độc, nên tâm thiện trở thành con trai đích thực.

- Sở câu: “Ba câu tiếp theo dựa nơi chúng sinh có tâm mong cầu”: Là do mê chấp nơi bốn đế. Hai câu trước là có chướng ngại, một câu sau là không đối trị. Do đó không chứng đắc diệt.

- Sở câu: “Nên biết bọn này đều là người tăng thượng mạn”: Đây tức là văn nơi kinh Pháp Hoa. Đại ý là chưa đạt được quả vị rốt ráo mà cho là đã đạt được. Nhưng đoạn văn trên đây phần nhiều giống nơi hai địa. Văn kia do đã giải thích rộng.

- Sở từ câu: “Lại nữa, mười câu chung riêng ở trên” tiếp xuống: Tức trên là dựa nơi văn của Luận. Ở đây là căn cứ thẳng theo kinh.

- Sở câu: “Thứ hai là trong phần quyết chí cứu độ”: Văn nơi phần Sở giải gồm hai:

Một: Dựa nơi Luận để giải thích.

Hai: Bàn rộng về lý riêng. Nơi phần một, nói: “Thứ nhất là cứu độ ba Xứ nào? Luận chia làm ba đoạn, đây là đoạn thứ nhất. Tiếp theo là nói về năm Hành để hóa độ. Luận gọi là “Dùng cái gì để cứu độ?” Một câu sau là nói về quả của sự hóa độ. Luận viết: “Cứu độ như thế nào?” Tức xác nhận văn nơi phần Sở giải đã nêu đủ. Nhưng nơi phần một, nói về xứ cứu độ là ba cõi, Luận chủ đều có từ: “Vọng - tưởng” tức đều là nhân quả vọng tưởng nên có thể đoạn trừ.

- Sở câu: “Định Tuệ hợp nói”:

Hỏi: Đây chẳng phải là địa của Tuệ. Tuệ hợp trong Định cũng chẳng phải là địa của Giới. Giới vì sao nói riêng?

Đáp: Trước Giới đã được thành lập chẳng dựa nơi Định. Cho nên Tuệ ở trong đây là Tuệ trong Định.

- Sở câu: “Diệt trừ Trầm, Trạo nên gọi là điều phục”: Trầm là “Hôn trầm”, là chướng ngại thuận của định, là chướng ngại nghịch của Tuệ. Trạo tức là “Trạo cử”, là chướng ngại thuận của Tuệ, là chướng ngại nghịch của Định. Định nhiều thì dễ rơi vào Hôn trầm. Tuệ nhiều

thì dễ rơi vào Trạo cử, nên gọi là chướng ngại thuận chiều. Hôn trầm khiến chẳng thấu tỏ, Trạo cử khiến chẳng tịch tĩnh, nên gọi là chướng ngại ngược chiều.

Luận viết: “Diệt trừ Trầm, Trạo, Sử của Tùy phiền não”: Trầm, Trạo tức là Tùy Hoặc (Tùy phiền não) Sử tức là Tùy miên (Phiền não), chủng tử, hiện hành cùng mất.

- Sở câu: “Lại có một Lý”: Là phần hai, bàn rộng về Lý riêng. Gồm ba:

Một: Phụ theo Luận để bàn rộng.

Hai: Từ câu: “Những ba Học” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc về việc chẳng theo thứ lớp.

Ba: Từ câu: “Nếu dựa thẳng theo kinh” tiếp xuống: Là nói riêng về toàn bộ.

- Sở câu: “Thứ ba là trong phần đầu tóm các Hành của phương tiện tu tập”: Văn nơi phần Sở giải gồm hai:

Một: Giải thích tên gọi của Hành.

Hai: Từ câu: “Văn phân là bốn” tiếp xuống: Là phân định để giải thích. Nay nói về phần một: Dựa theo tướng của phương tiện đầu tóm các Hành, văn nơi bản Sở giải đã nêu đủ, nay trước tiên là tóm lược, chỉ rõ. Nghĩa là Bồ tát nhân nơi ba thứ quán ở trước, nên biết trong sinh tử có nhiều lỗi lầm, chúng sinh chưa ra khỏi, trí Tuệ Phật tạo lợi ích lớn nhưng chúng sinh chưa đạt được, nên nhớ nghĩ về các chúng sinh bị rơi vào các nẻo khổ, phải dùng phương tiện gì để cứu vớt khiến họ đạt được Niết-bàn? Tức biết chẳng lìa Trí vô chướng ngại, cho đến chẳng lìa các phương tiện thiện xảo nơi chỗ nghe nhiều biết rộng. Do đó cầu đạt chánh pháp, được rồi thì gắng tư, tu, nhập nơi Thiền vô sắc, dựa nơi định quán pháp, chứng đắc Tuệ vô sinh, dựa nơi Tuệ vô sinh làm phát sinh pháp Quán như thật, dựa vào Quán pháp như thật để đạt được Trí vô sinh, nên có thể cứu vớt chúng sinh ra khỏi nẻo khổ sinh tử, đạt được sự an lạc của Niết-bàn. Đầu tóm về Tướng là như thế.

- Sở câu: “Thứ nhất là nhắc lại hai Hành ở trước dùng làm ba Nhân”: Hai Hành tức là giúp đỡ hàng Tiểu thừa và hộ trì các hành dứt trừ phiền não. Trong Hành giúp đỡ hàng Tiểu thừa có Tâm hẹp và nhỏ nên có ba Nhân.

- Sở câu: “Hộ trì các hành dứt trừ phiền não là lìa nhân nơi vọng tưởng”: Nghĩa là ba tạp nhiễm đều là vọng tưởng, nên phần Sở giải gồm ba:

Một: Giải thích ba thứ tạp nhiễm đều là vọng tưởng.

Hai: Do nhớ nghĩ đến chúng sinh nên luôn ở nơi thế gian, chẳng hề lìa bỏ.

Ba: Từ câu: “Ba là nhận biết về trí Nhất Thiết Trí: Tiếp xuống - gọi là nhân của tinh tấn”: Tức chẳng phải là dũng mãnh cầu đạt, thì chẳng thể chứng đắc.

Hỏi: Văn ở trên, trước là cầu đạt trí Tuệ của Phật, sau là nhớ nghĩ về chúng sinh. Nay vì sao nơi phần sau lại nhắc đến trí Phật?

Đáp: Ở đây là do: Thứ nhất là nhớ nghĩ về chúng sinh ở trong lỗi lầm của các pháp Hữu vi, trí Phật đem lại lợi lạc thù thắng mà chẳng thể đạt được, nên dấy khởi Tâm bi, thương xót về các chúng sinh đang ở trong chốn lỗi lầm kia. Thứ hai là cầu đạt trí Phật để cứu vớt những chúng sinh bị chìm đắm ấy.

- Sở câu: “Luận giải thích kinh đều có đủ”: Phần giải thích ấy viết: “Các chúng sinh ấy bị rơi vào trong cảnh khổ lớn, với các thứ nghiệp chướng phiền não”.

- Sở câu: “Thứ ba là tư duy để đạt phương tiện nhiếp phục chúng sinh”: Văn gồm năm phần:

Một: Nêu tổng quát về Lý của văn.

Hai: Từ câu: “Nói là có năm” tiếp xuống: Là nêu ra danh vị.

Ba: Từ câu: “Nhưng trong năm thứ này” tiếp xuống: Là hiển bày chung về ý của văn.

Bốn: Từ câu: “Trong năm thứ ấy” tiếp xuống: Là nêu dẫn Luận để giải thích tổng quát.

Năm: Chính thức giải thích văn. Trong phần bốn lại chia ra làm hai:

Thứ nhất: Nêu ra ý của kinh để tạo thành lý do của ba đoạn theo Luận.

Thứ hai: Từ câu: “Luận dựa nơi nghĩa ấy” tiếp xuống: Là chính thức nêu dẫn Luận để giải thích. Nhưng Luận nêu tổng quát cho rằng: “Trong đó, phương tiện thâm tóm các Hành có ba thứ”.

Hỏi: Trước nay há chẳng phải là phương tiện thâm tóm Hành? Vì sao đến lúc này mới gọi là thâm tóm Hành?

Đáp: Hai đoạn trên là lặp lại phần trước để dấy khởi phần sau. Vì mới nhằm cầu đạt thêm, chưa được gọi là “Phương tiện thâm tóm Hành”. Nay, chỗ cầu đạt ấy đã đạt được phương tiện nhiếp phục chúng sinh, nên được mang tên. trong sự chứng đắc tột bậc gọi là “Rốt ráo tận cùng”. Trong chỗ dấy khởi dần dần tăng trưởng gọi là “thượng thượng”. Phần thứ ba có thể nhận biết.

- Sở câu: “Giải thích cái biết như thật là tùy thuận chỗ Giác ngộ như thật”: Luận gọi chung là: “Chỗ tận cùng kia là do Như Lai giảng nói về tất cả các pháp đều thuận theo chỗ giác ngộ như thật mà dấy khởi”, nên sở đã phân văn của Luận làm hai đoạn để giải thích: Giải thích về “Tất cả pháp”. Đại sư Tuệ Viễn cho rằng: Như Lai giảng nói về tất cả các pháp, lược có hai thứ:

Thứ nhất: Pháp của chỗ lãnh hội từ Phật trong ba địa.

Thứ hai: Pháp của chỗ giảng nói do chư Phật bảy lần khuyến tỉnh, nơi địa hiện có. Nay, ở nơi hai thứ này dấy khởi sự nhận biết như thật. “Nhận biết như thật” là tùy thuận tương ứng.

Một là: Thuận nơi pháp được lãnh hội của ba địa để dấy khởi, đạt được pháp Nhẫn Vô sinh cùng sự thực hành một cách sâu xa. Sở giải thích đã dựa nơi nghĩa này, gọi là: Nhân nơi Âm thanh nhẫn mà đạt được nhẫn Vô sinh. Nhưng nhẫn Vô sinh ấy từ nơi địa thứ tư dấy khởi, cũng là chứng đắc theo chỗ lãnh hội trong ba địa, trở thành Thuận nhẫn, tức diệu lực của Thuận nhẫn đạt được nơi Vô sinh, nên dùng Thuận nhẫn để giải thích. Luận tùy thuận chỗ lãnh hội của ba địa, tức là Âm thanh nhẫn.

Hai là: Đối chiếu với chỗ đạt được sự nhận biết như thật do bảy lần khuyến tỉnh, tức nơi địa thứ tám chứng đắc Thân vô lượng cùng cõi Phật thanh tịnh, mười tự tại v.v... tức có được sự khuyến tỉnh rồi sau mới thành tựu phần này. Nay căn cứ nơi sự tiến triển dần dần nên lược bớt, không biện minh.

- Sở từ câu: “Ba là sự nhận biết ấy chẳng lìa Tuệ vô sinh” tiếp xuống: Là phương tiện thứ ba, Hành không tự tướng và cộng tướng sinh là Hành của Tuệ. Văn nơi phần Sở giải đã lần lược nêu đủ.

- Sở câu: “Chứng đắc địa thứ ba viên mãn làm tăng tiến phần Thiên”: Tịnh Thiên có bốn:

Một: Phần thối chuyển.

Hai: Phần an trụ.

Ba: Phần tăng tiến.

Bốn: Phần quyết định. Nay tức là phần thứ ba. Phần bốn tức vào đoạn sau nơi địa thứ tư thì phần Quyết định có thể phát khởi.

- Sở câu: “Tức là Trí của trong phần Thiên nơi ba địa”: Là Tu Tuệ. Tức trong phần tiếp sau của kinh, quán nơi các pháp chẳng sinh chẳng diệt, nên biết rõ là địa thứ ba từ nơi “Trí tuệ quán”.

- Sở từ câu: “Tuệ của địa thứ tư kia” tiếp xuống: Là phân biệt với Tu Tuệ của hiện tại. Chính là địa thứ tư chứng đắc về Tướng ở trước,

tìm cầu hướng về gốc nên gọi Tuệ ấy là Quang Minh, do đấy, địa thứ ba được gọi là “Minh địa”

- Sớ câu: “Trong đó, Tu Tuệ do văn Tuệ”: Luận viết: “Đây là Hành của sự nương tựa do văn Tuệ đấy khởi, tức phương tiện của văn Tuệ là đấy khởi chỗ nương tựa. Do đó, tu hành gọi là Hành theo sự nương dựa là do văn Tuệ đấy khởi”. Ý nói: Do văn nên hiểu rõ để Tu, nên Tu là cầu đạt cái Hành của văn.

- Sớ câu: “Ba đoạn đều là Tuệ”: Một là địa thứ tư là chứng đắc Tuệ. Hai là địa thứ ba Tu Tuệ. Ba là văn Tuệ cầu đạt pháp. Luận Du Già quyển thứ tám mươi ba viết: “Tuệ có nhiều thứ. Gọi là “Tuệ Quang” tức là văn Tuệ. Tư Tuệ. Gọi là “Tuệ diệu” tức là Tuệ được thành tựu do sự tu tập. Nhưng loại thứ năm này tức là văn Tuệ”.

- Sớ câu: “Thứ nhất là tóm kết phần trước để nêu lên phần sau”: Phần nêu lên viết: “Chánh pháp là chung nơi giáo nghĩa. Gốc của năm lớp phương tiện là do cầu pháp, nên đối với chánh pháp lại càng gia tăng sự cầu đạt.

- Sớ từ câu: “Thứ nhất, văn có mười câu” tiếp xuống: Gồm hai phần:

Một: Giải thích.

Hai: Nhận định, phân biệt. Nay, nói về phần một: Mười câu tức là ba Tuệ, nhưng có bốn đoạn:

Ba câu đầu, là chỉ văn Tuệ.

- Câu bốn, năm, sáu là chung cho văn Tuệ, Tư Tuệ.

- Câu bảy chỉ là Tư Tuệ.

Ba câu tám, chín, mười chỉ là Tu Tuệ.

- Sớ câu: “Tâm không kiêu mạn”: Có kiêu mạn thì không cầu đạt. “Hai là Hỷ pháp”: Chẳng ganh ghét đối với chỗ hiểu biết của kẻ khác nên sinh vui thích. Ưa thích pháp nên hỷ han, nhưng không có tâm bắt bẻ, bài bác người khác phải khuất phục. Tâm ưa thích vui với pháp gọi là Hỷ. Chung cuộc, có được hưởng vị của sự yêu thích gọi đấy là Lạc.

- Sớ từ câu: “Tám là đạo pháp”: Tức ở trong ba câu sau thì câu một là Định, hai câu sau là Tuệ. Nếu theo Quả vị mà phân thì “Đạo pháp” (đạt tới pháp) là địa thứ nhất. “Trụ pháp” tức là địa thứ tư trở lên. “Hành pháp” tức là địa thứ tám trở lên.

- Sớ câu: “Chín là trụ nơi Trí xuất thế gian”: Tức giải thích chữ “Trụ pháp” nơi kinh. Luận giải thích kinh viết: “Quay về nương tựa nơi pháp”. Luận giải thích: Dựa nơi Trí xuất thế gian, tức trí chứng đắc của địa thứ tư là đối tượng được quay về nương tựa.

- Sở từ câu: “Nếu đối chiếu với đoạn sau là phần chán lia” tiếp xuống: Là phần hai, nhận định, phân biệt. Gồm ba:

Một: Nhận định, phân biệt về “Tuệ hành”.

Hai: Từ câu: “Trong đó cả ngày đêm” tiếp xuống: Là nhận định phân biệt về sự cầu đạt của chủ thể, đối tượng. “Để hiển bày việc gắng hành”: Đây tức ba địa là chủ thể cầu “pháp hành”. chín câu sau đều là pháp tu hành của đối tượng được cầu đạt.

Ba: Từ câu: “Lại nữa, mười câu này” tiếp xuống: Là phân biệt chỗ thọ nhận của chủ thể, đối tượng. Nói “Tư thì chung cả Giáo Nghĩa” tức khởi đầu dựa nơi Giáo để tư duy, chung cuộc thì dựa nơi Nghĩa.

